TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SĐH NĂM 2017

KẾT QUẢ DỰ THI TUYỂN BÁC SĨ NỘI TRÚ KHÓA 42 - NĂM 2017

TT	TT CN	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng	
1	1	Trần Sơn Hải		12/06/1993	Thanh Hóa	NT-0131	Đa khoa	8.33	7.75	8.69	76.30	**24.77**	
2	2	Phùng Đình Thọ		01/05/1993	Vĩnh Phúc	NT-0464	Đa khoa	7.75	8.08	8.25	81.30	**24.08**	
3	3	Lê Thanh Huyền	Nữ	23/04/1993	Hà Nội	NT-0226	Đa khoa	7.58	7.67	8.50	85.00	**23.75**	
4	4	Nguyễn Đăng Dương		28/07/1993	Nam Định	NT-0083	Đa khoa	8.17	7.25	8.19	62.50	**23.61**	
5	5	Nguyễn Tài Đức		04/12/1992	Thanh Hóa	NT-0109	Đa khoa	7.83	7.67	8.08	Miễn thi	**23.58**	
6	6	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	23/11/1993	Hà Tĩnh	NT-0208	Đa khoa	7.42	7.58	8.25	Miễn thi	**23.25**	
7	7	Trần Thị Lan	Nữ	06/10/1993	Hà Tĩnh	NT-0255	Đa khoa	7.42	7.50	8.25	90.00	**23.17**	
8	8	Trịnh Minh Hưng		20/09/1993	Hải Dương	NT-0202	Đa khoa	8.00	7.50	7.63	93.80	**23.13**	
9	9	Đỗ Đăng Tân		01/04/1993	Thanh Hóa	NT-0417	Đa khoa	8.00	7.42	7.71	90.00	**23.13**	
10	10	Trần Đình Anh		06/01/1993	Hà Tĩnh	NT-0031	Đa khoa	7.67	7.42	7.98	77.50	**23.07**	
11	11	Nguyễn Thị Nhân	Nữ	20/01/1993	Vĩnh Phúc	NT-0334	Đa khoa	7.75	7.08	8.17	85.00	**23.00**	
12	12	Vũ Ngọc Mai	Nữ	15/09/1993	Hà Nội	NT-0291	Đa khoa	8.00	6.92	8.00	88.80	**22.92**	
13	13	Nguyễn Thị Hà Mi	Nữ	03/03/1993	Hà Nội	NT-0296	Đa khoa	7.33	7.50	8.02	90.00	**22.85**	
14	14	Hoàng Đức Thành		07/09/1993	Phú Thọ	NT-0436	Đa khoa	7.83	7.58	7.44	86.30	**22.85**	
15	15	Nguyễn Minh Thuận		22/08/1993	Phú Thọ	NT-0474	Đa khoa	7.67	6.83	8.33	72.50	**22.83**	
16	16	Lê Thị Thảo	Nữ	08/09/1992	Thái Bình	NT-0451	Đa khoa	7.67	7.33	7.79	83.80	**22.79**	
17	17	Trần Cường		03/12/1993	Vĩnh Phúc	NT-0061	Đa khoa	7.33	6.58	8.88	87.50	**22.79**	
18	18	Nguyễn Việt Anh		19/09/1993	Phú Thọ	NT-0026	Đa khoa	7.58	7.42	7.75	Miễn thi	**22.75**	
19	19	Mai Văn Hải		15/01/1993	Ninh Bình	NT-0130	Đa khoa	7.58	6.83	8.29	65.00	**22.70**	
20	20	Vũ Mạnh Cường		08/10/1993	Hà Nội	NT-0064	Đa khoa	7.50	7.00	8.19	Miễn thi	**22.69**	
21	21	Trần Thanh Hùng		25/12/1993	Phú Thọ	NT-0195	Đa khoa	7.25	6.92	8.40	80.00	**22.57**	
22	22	Mai Thế Vương		29/11/1993	Thanh Hóa	NT-0572	Đa khoa	7.17	7.58	7.81	85.00	**22.56**	
23	23	Nguyễn Thị Huyền Anh	Nữ	25/03/1993	Hà Nội	NT-0022	Đa khoa	7.17	7.17	8.19	86.30	**22.53**	
24	24	Đặng Thu Trang	Nữ	09/03/1993	Nam Định	NT-0498	Đa khoa	7.58	7.08	7.83	82.50	**22.49**	
25	25	Phạm Thị Hương Giang	Nữ	10/12/1993	Hà Nội	NT-0118	Đa khoa	7.25	6.92	8.31	77.50	**22.48**	
26	26	Nguyễn Văn Nghĩa		10/01/1993	Bắc Ninh	NT-0318	Đa khoa	7.50	7.33	7.65	83.80	**22.48**	
27	27	Trần Ngọc Dũng		24/10/1993	Nam Định	NT-0079	Đa khoa	7.25	7.25	7.96	71.30	**22.46**	
28	28	Lê Thế Đường		25/05/1993	Nghệ An	NT-0115	Đa khoa	7.17	6.83	8.44	Miễn thi	**22.44**	
29	29	Hoàng Thị Kim Khuyên		17/07/1993	Hà Tĩnh	NT-0246	Đa khoa	7.75	6.83	7.85	77.50	**22.43**	
30	30	Thái Thị Diệu Vân	Nữ	23/08/1993	Hà Tĩnh	NT-0567	Đa khoa	7.33	7.17	7.92	93.80	**22.42**	
31	31	Đào Hồng Phượng	Nữ	14/09/1993	Nam Định	NT-0377	Đa khoa	7.33	7.17	7.88	71.30	**22.38**	
32	32	Nguyễn Duy Thanh		24/11/1993	Thanh Hóa	NT-0430	Đa khoa	7.33	7.17	7.88	76.30	**22.38**	
33	33	Nguyễn Thị Thảo Nhi	Nữ	24/10/1993	Nghệ An	NT-0336	Đa khoa	7.08	7.17	8.08	65.00	**22.33**	

TT	TT CN	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng	
34	34	Đặng Thị Lương	Nữ	20/11/1993	Nghệ An	NT-0284	Đa khoa	7.00	8.08	7.23	Miễn thi	**22.31**	
35	35	Trần Thu Hà Phương	Nữ	19/11/1993	Hải Dương	NT-0373	Đa khoa	6.33	7.58	8.40	80.00	**22.31**	
36	36	Nguyễn Thị Khơi		29/03/1993	Bắc Ninh	NT-0245	Đa khoa	7.33	7.00	7.98	83.80	**22.31**	
37	37	Tăng Văn Dũng		10/12/1993	Hải Dương	NT-0077	Đa khoa	7.08	7.17	8.06	71.30	**22.31**	
38	38	Vũ Hồng Phú		17/09/1993	Hà Nam	NT-0356	Đa khoa	7.17	6.75	8.35	78.80	**22.27**	
39	39	Nguyễn Thế Nam Huy		30/09/1993	Bắc Ninh	NT-0222	Đa khoa	7.92	6.92	7.40	85.00	**22.24**	
40	40	Nguyễn Xuân Hiền		12/02/1993	Hà Nam	NT-0149	Đa khoa	6.75	7.58	7.81	Miễn thi	**22.14**	
41	41	Đỗ Thông Minh		08/03/1993	Hưng Yên	NT-0299	Đa khoa	7.00	6.83	8.31	76.30	**22.14**	
42	42	Trần Đình Dũng		07/10/1992	Thanh Hóa	NT-0078	Đa khoa	6.67	7.42	8.02	Miễn thi	**22.11**	
43	43	Ngọc Tiền	Nữ	12/09/1993	Hà Nội	NT-0491	Đa khoa	7.50	6.75	7.83	82.50	**22.08**	
44	44	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	13/10/1993	Vĩnh Phúc	NT-0139	Đa khoa	7.50	7.42	7.10	57.50	**22.02**	
45	45	Lê Quang Huy		12/10/1993	Thanh Hóa	NT-0218	Đa khoa	7.50	6.17	8.35	82.50	**22.02**	
46	46	Vũ Bích Phương	Nữ	02/09/1993	Thái Bình	NT-0375	Đa khoa	7.17	7.00	7.83	Miễn thi	**22.00**	
47	47	Đậu Thị Thu	Nữ	20/10/1993	Hà Tĩnh	NT-0470	Đa khoa	7.42	6.50	8.08	Miễn thi	**22.00**	
48	48	Nguyễn Duy Tuấn		18/01/1993	Quảng Ninh	NT-0537	Đa khoa	7.42	6.58	7.98	76.30	**21.98**	
49	49	Đặng Ngọc Tài		18/10/1993	Phú Thọ	NT-0412	Đa khoa	6.83	6.92	8.23	Miễn thi	**21.98**	
50	50	Nguyễn Văn Thành		12/09/1993	Hải Dương	NT-0444	Đa khoa	7.08	6.67	8.23	81.30	**21.98**	
51	51	Vương Kim Ngân	Nữ	30/10/1992	Hà Nội	NT-0316	Đa khoa	7.58	6.92	7.46	90.00	**21.96**	
52	52	Lê Văn Đạt		16/07/1993	Thái Bình	NT-0091	Đa khoa	6.75	7.58	7.63	72.50	**21.96**	
53	53	Mai Lan Anh	Nữ	16/12/1993	Lạng Sơn	NT-0017	Đa khoa	7.75	7.00	7.19	77.50	**21.94**	
54	54	Cấn Thị Ánh Hồng	Nữ	15/07/1993	Hà Nội	NT-0181	Đa khoa	7.25	7.33	7.35	82.50	**21.93**	
55	55	Nguyễn Thành Luân		25/11/1993	Hà Nội	NT-0282	Đa khoa	7.08	7.08	7.77	Miễn thi	**21.93**	
56	56	Nguyễn Thị Thu Nhung	Nữ	02/07/1993	Nghệ An	NT-0342	Đa khoa	7.33	7.17	7.40	80.00	**21.90**	
57	58	Lê Thị Minh Hằng	Nữ	01/02/1993	Hà Tĩnh	NT-0136	Đa khoa	7.25	7.00	7.63	72.50	**21.88**	
58	57	Nguyễn Đình Phúc		03/11/1993	Hà Nam	NT-0360	Đa khoa	6.92	6.50	8.46	63.80	**21.88**	
59	59	Lê Văn Tiến		16/06/1993	Thanh Hóa	NT-0488	Đa khoa	7.75	7.08	7.00	68.80	**21.83**	
60	60	Phạm Quang Thọ		08/10/1993	Hà Nội	NT-0463	Đa khoa	7.17	6.58	8.08	85.00	**21.83**	
61	61	Thân Thị Thùy Linh	Nữ	16/06/1993	Bắc Giang	NT-0274	Đa khoa	7.50	6.50	7.77	77.50	**21.77**	
62	62	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	15/10/1993	Hà Tĩnh	NT-0161	Đa khoa	7.58	6.83	7.31	76.30	**21.72**	
63	63	Nguyễn Thị Thu Thúy	Nữ	09/01/1993	Quảng Ninh	NT-0479	Đa khoa	6.67	7.00	8.04	72.50	**21.71**	
64	64	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	07/10/1993	Hà Nội	NT-0265	Đa khoa	6.67	7.08	7.88	67.50	**21.63**	
65	65	Đào Thị Thu Trang	Nữ	16/06/1993	Hà Nam	NT-0500	Đa khoa	7.42	6.92	7.23	77.50	**21.57**	
66	66	Lê Anh Tuấn		30/10/1992	Vĩnh Phúc	NT-0534	Đa khoa	7.08	7.00	7.46	70.00	**21.54**	
67	67	Lê Đức Tâm		05/08/1993	Hà Nội	NT-0415	Đa khoa	7.42	6.42	7.69	90.00	**21.53**	
68	68	Nguyễn Trần Thành		12/11/1993	Hưng Yên	NT-0443	Đa khoa	7.33	6.42	7.77	71.30	**21.52**	
69	69	Trần Thị Minh Trang	Nữ	14/12/1993	Bắc Ninh	NT-0513	Đa khoa	7.08	6.75	7.67	85.00	**21.50**	
70	70	Ngô Duy Thịnh		25/12/1993	Nam Định	NT-0462	Đa khoa	7.50	6.75	7.25	78.80	**21.50**	
71	71	Nguyễn Bá Phong		02/07/1993	Hà Nội	NT-0350	Đa khoa	7.17	6.42	7.90	85.00	**21.49**	
72	72	Hoàng Xuân Tuấn Anh		16/09/1993	Nghệ An	NT-0010	Đa khoa	6.83	6.58	8.08	86.30	**21.49**	

TT	TT CN	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng	
73	73	Dương Thị Hà	Nữ	01/02/1993	Vĩnh Phúc	NT-0119	Đa khoa	7.17	7.00	7.31	82.50	**21.48**	
74	74	Phạm Xuân Thành		07/08/1993	Hải Phòng	NT-0445	Đa khoa	7.25	6.25	7.98	76.30	**21.48**	
75	75	Nguyễn Việt Dũng		25/01/1993	Nam Định	NT-0074	Đa khoa	7.58	6.67	7.21	67.50	**21.46**	
76	76	Lê Sỹ Dũng		22/12/1993	Thanh Hóa	NT-0071	Đa khoa	6.75	6.92	7.77	55.00	**21.44**	
77	77	Lý Văn Hùng		20/08/1993	Hưng Yên	NT-0196	Đa khoa	7.08	6.92	7.42	78.80	**21.42**	
78	78	Nguyễn Quang Rực		12/04/1993	Bắc Ninh	NT-0401	Đa khoa	7.33	6.25	7.83	88.80	**21.41**	
79	79	Phạm Huy Hoàng		13/08/1993	Bắc Ninh	NT-0178	Đa khoa	7.33	7.08	6.98	81.30	**21.39**	
80	81	Đặng Quang Hưng		14/02/1993	Nghệ An	NT-0200	Đa khoa	7.17	6.58	7.63	76.30	**21.38**	
81	80	Đỗ Trung Đức		07/01/1993	Ninh Bình	NT-0106	Đa khoa	6.33	6.67	8.38	75.00	**21.38**	
82	82	Vũ Thu Hương	Nữ	21/06/1993	Hà Nội	NT-0211	Đa khoa	7.33	6.50	7.52	Miễn thi	**21.35**	
83	83	Vũ Quốc Oai		17/10/1993	Hưng Yên	NT-0345	Đa khoa	7.08	6.67	7.60	81.30	**21.35**	
84	84	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	26/07/1993	Vĩnh Phúc	NT-0227	Đa khoa	7.58	5.92	7.83	81.30	**21.33**	
85	85	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	06/11/1993	Thanh Hóa	NT-0137	Đa khoa	7.50	6.25	7.54	75.00	**21.29**	
86	86	Lê Nhật Cường		01/06/1993	Thanh Hóa	NT-0058	Đa khoa	7.17	6.33	7.79	62.50	**21.29**	
87	87	Nguyễn Mạnh Trường		23/11/1993	Hà Nam	NT-0525	Đa khoa	6.83	6.92	7.50	81.30	**21.25**	
88	88	Nguyễn Thị Hồng Phượng	Nữ	26/10/1993	Hà Tĩnh	NT-0378	Đa khoa	7.25	6.92	7.06	71.30	**21.23**	
89	89	Nguyễn Hải Hà Trang	Nữ	19/06/1993	Hải Dương	NT-0504	Đa khoa	7.00	7.08	7.10	90.00	**21.18**	
90	90	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	28/08/1993	Hưng Yên	NT-0347	Đa khoa	6.75	6.75	7.67	Miễn thi	**21.17**	
91	91	Trịnh Thị Thu Hiền	Nữ	12/08/1993	Hưng Yên	NT-0152	Đa khoa	6.75	6.75	7.65	68.80	**21.15**	
92	92	Cao Đình Bằng		25/07/1993	Thanh Hóa	NT-0039	Đa khoa	6.75	6.75	7.65	72.50	**21.15**	
93	93	Lê Vân Anh	Nữ	24/03/1993	Gia Lai	NT-0014	Đa khoa	7.42	6.50	7.21	78.80	**21.13**	
94	94	Phạm Ngọc Hà	Nữ	13/08/1993	Hòa Bình	NT-0126	Đa khoa	6.83	6.67	7.63	80.00	**21.13**	
95	95	Tạ Thị Hà Phương	Nữ	03/03/1993	Hà Nội	NT-0371	Đa khoa	6.75	6.42	7.96	Miễn thi	**21.13**	
96	96	Nguyễn Đức Tuấn		20/10/1993	Thanh Hóa	NT-0539	Đa khoa	6.67	7.17	7.29	85.00	**21.13**	
97	97	Nguyễn Anh Tuấn		20/10/1993	Thanh Hóa	NT-0536	Đa khoa	6.83	6.75	7.54	75.00	**21.12**	
98	98	Đặng Xuân Khánh		22/03/1993	Hà Nội	NT-0236	Đa khoa	6.83	6.92	7.35	92.50	**21.10**	
99	99	Nguyễn Phương Anh	Nữ	08/09/1993	Nam Định	NT-0020	Đa khoa	6.75	6.50	7.81	Miễn thi	**21.06**	
100	100	Hoàng Văn Tuấn		27/03/1993	Hải Dương	NT-0535	Đa khoa	7.25	6.33	7.48	78.80	**21.06**	
101	101	Ngô Sỹ Quý		18/09/1993	Bắc Giang	NT-0393	Đa khoa	7.25	6.33	7.48	65.00	**21.06**	
102	102	Vũ Thị Phương	Nữ	22/05/1993	Thanh Hóa	NT-0376	Đa khoa	7.17	6.92	6.96	Miễn thi	**21.05**	
103	103	Nguyễn Hoàng Sơn		08/10/1993	Hà Nội	NT-0410	Đa khoa	6.42	6.92	7.67	76.30	**21.01**	
104	104	Trương Văn Phú		16/02/1993	Thanh Hóa	NT-0355	Đa khoa	6.83	6.75	7.42	76.30	**21.00**	
105	105	Mai Thị Quỳnh	Nữ	08/02/1993	Thái Bình	NT-0400	Đa khoa	6.58	6.67	7.73	78.80	**20.98**	
106	106	Vũ Quang Tiến		02/06/1993	Bắc Ninh	NT-0490	Đa khoa	6.67	6.67	7.63	75.00	**20.97**	
107	108	Nguyễn Quỳnh Hoa	Nữ	25/07/1993	Thái Nguyên	NT-0159	Đa khoa	6.67	6.17	8.10	88.80	**20.94**	
108	107	Ngô Đức Mạnh		22/03/1993	Bắc Ninh	NT-0293	Đa khoa	6.92	7.08	6.94	85.00	**20.94**	
109	109	Vũ Thị Thu Hồng	Nữ	24/08/1993	Thái Bình	NT-0187	Đa khoa	6.58	7.00	7.33	82.50	**20.91**	
110	110	Ngô Văn Thông		08/05/1993	Thanh Hóa	NT-0468	Đa khoa	7.42	6.58	6.90	63.80	**20.90**	
111	111	Đỗ Thị Hồng	Nữ	09/11/1992	Nam Định	NT-0182	Đa khoa	6.83	7.00	7.06	80.00	**20.89**	

TT	TT CN	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng	
112	112	Nguyễn Tất Đặng		11/04/1993	Thanh Hóa	NT-0098	Đa khoa	6.67	6.92	7.29	88.80	**20.88**	
113	113	Nguyễn Đức Linh		14/04/1993	Vĩnh Phúc	NT-0266	Đa khoa	7.08	6.58	7.21	75.00	**20.87**	
114	114	Phan Ngọc		30/04/1993	Hà Tĩnh	NT-0328	Đa khoa	7.17	6.58	7.10	88.80	**20.85**	
115	115	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Nữ	01/11/1993	Bắc Ninh	NT-0325	Đa khoa	7.42	6.67	6.75	65.00	**20.84**	
116	116	Vũ Thị Hoàng Yến	Nữ	08/03/1993	Bắc Giang	NT-0582	Đa khoa	7.42	6.33	7.08	68.80	**20.83**	
117	117	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	23/02/1993	Hải Dương	NT-0324	Đa khoa	7.25	6.42	7.15	78.80	**20.82**	
118	118	Nguyễn Tú Anh		12/06/1993	Nghệ An	NT-0024	Đa khoa	6.00	6.92	7.88	57.50	**20.80**	
119	119	Vũ Thị Thục Trang	Nữ	26/11/1993	Nam Định	NT-0515	Đa khoa	7.25	7.00	6.54	66.30	**20.79**	
120	120	Nguyễn Thị Lan	Nữ	21/04/1993	Bắc Ninh	NT-0252	Đa khoa	7.08	6.75	6.96	83.80	**20.79**	
121	121	Đào Thị Hiền	Nữ	09/08/1993	Vĩnh Phúc	NT-0148	Đa khoa	6.75	6.58	7.46	75.00	**20.79**	
122	122	Dương Công Thành		26/08/1993	Thanh Hóa	NT-0434	Đa khoa	7.17	6.83	6.79	56.30	**20.79**	
123	123	Nguyễn Thị Vân	Nữ	21/10/1993	Hưng Yên	NT-0566	Đa khoa	7.17	6.92	6.69	65.00	**20.78**	
124	124	Phạm Ngọc Hà	Nữ	13/04/1993	Nam Định	NT-0125	Đa khoa	6.83	6.42	7.44	Miễn thi	**20.69**	
125	125	Dương Duy Thanh		26/08/1993	Thanh Hóa	NT-0429	Đa khoa	7.33	6.42	6.94	52.50	**20.69**	
126	126	Trần Minh Vương		21/04/1993	Bắc Ninh	NT-0573	Đa khoa	7.00	6.67	7.02	62.50	**20.69**	
127	127	Lê Văn Hùng		02/11/1993	Nghệ An	NT-0192	Đa khoa	6.67	7.17	6.83	88.80	**20.67**	
128	128	Nguyễn Văn Trọng		22/03/1993	Nghệ An	NT-0518	Đa khoa	7.00	5.92	7.75	82.50	**20.67**	
129	129	Lưu Thị Thảo Nguyên	Nữ	19/07/1993	Hưng Yên	NT-0331	Đa khoa	6.83	6.08	7.75	Miễn thi	**20.66**	
130	130	Dương Văn Tiến		06/12/1993	Hưng Yên	NT-0486	Đa khoa	6.83	6.25	7.58	73.80	**20.66**	
131	131	Dương Thị Thùy	Nữ	07/09/1993	Bắc Giang	NT-0481	Đa khoa	6.83	6.42	7.40	85.00	**20.65**	
132	132	Trần Bùi Khoa		02/10/1993	Thanh Hóa	NT-0244	Đa khoa	6.92	6.75	6.98	75.00	**20.65**	
133	133	Dương Thị Châm	Nữ	17/04/1993	Bắc Ninh	NT-0047	Đa khoa	6.08	6.83	7.73	73.80	**20.64**	
134	134	Lê Thùy Linh	Nữ	11/09/1993	Hà Nội	NT-0263	Đa khoa	6.50	6.42	7.71	Miễn thi	**20.63**	
135	135	Bùi Thị Thúy Quỳnh	Nữ	20/12/1993	Nam Định	NT-0399	Đa khoa	7.08	6.25	7.29	80.00	**20.62**	
136	136	Đặng Hải Tú		11/06/1993	Hải Phòng	NT-0528	Đa khoa	6.58	6.58	7.46	70.00	**20.62**	
137	137	Trần Quang Đức		21/11/1993	Nghệ An	NT-0113	Đa khoa	7.08	6.08	7.46	56.30	**20.62**	
138	138	Lê Thị Dương	Nữ	22/12/1992	Hưng Yên	NT-0085	Đa khoa	6.67	6.83	7.10	80.00	**20.60**	
139	139	Nguyễn Thanh Tú		26/07/1993	Hà Nam	NT-0531	Đa khoa	6.58	6.83	7.19	81.30	**20.60**	
140	140	Phạm Thị Hải Yến	Nữ	12/09/1993	Thái Nguyên	NT-0578	Đa khoa	6.50	6.67	7.40	73.80	**20.57**	
141	141	Lê Thị Huyền Trang	Nữ	17/09/1993	Thanh Hóa	NT-0501	Đa khoa	6.83	6.75	6.96	77.50	**20.54**	
142	142	Lê Tuấn Anh		12/11/1993	Hà Nội	NT-0012	Đa khoa	6.17	7.08	7.25	81.30	**20.50**	
143	143	Bùi Minh Thắng		12/11/1993	Thanh Hóa	NT-0422	Đa khoa	6.42	6.25	7.83	85.00	**20.50**	
144	144	Nguyễn Thị Phương	Nữ	01/09/1993	Bắc Giang	NT-0367	Đa khoa	7.08	6.33	7.08	68.80	**20.49**	
145	145	Nguyễn Thành Nam		30/01/1993	Hà Nội	NT-0309	Đa khoa	6.67	6.33	7.44	81.30	**20.44**	
146	146	Uông Ngọc Nguyên		10/06/1993	Thanh Hóa	NT-0332	Đa khoa	6.67	6.17	7.60	76.30	**20.44**	
147	147	Nguyễn Ngọc Hà	Nữ	23/04/1993	Thái Bình	NT-0123	Đa khoa	7.33	6.50	6.60	71.30	**20.43**	
148	148	Nguyễn Huy Thông		30/11/1993	Phú Thọ	NT-0467	Đa khoa	6.58	6.33	7.52	77.50	**20.43**	
149	149	Trần Duy Mạnh		03/09/1993	Hưng Yên	NT-0294	Đa khoa	6.67	6.42	7.33	78.80	**20.42**	
150	150	Phạm Thị Lan Thanh	Nữ	09/03/1993	Thanh Hóa	NT-0433	Đa khoa	7.08	6.25	7.08	76.30	**20.41**	

TT	TT CN	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng	
151	151	Đào Thị Huyên	Nữ	18/02/1992	Hưng Yên	NT-0224	Đa khoa	6.67	6.75	6.98	86.30	**20.40**	
152	152	Ngô Quang Tùng		22/09/1993	Bắc Ninh	NT-0552	Đa khoa	7.08	7.17	6.15	82.50	**20.40**	
153	153	Phạm Khắc Khiêm		22/08/1993	Hưng Yên	NT-0243	Đa khoa	6.42	6.67	7.31	82.50	**20.40**	
154	154	Nguyễn Tùng Ngọc		11/01/1993	Hải Dương	NT-0327	Đa khoa	6.67	6.25	7.48	75.00	**20.40**	
155	155	Phạm Thị Phương Anh	Nữ	04/09/1993	Nghệ An	NT-0028	Đa khoa	7.58	6.33	6.48	61.30	**20.39**	
156	156	Hoàng Thị Hoài	Nữ	05/07/1993	Thanh Hóa	NT-0168	Đa khoa	6.92	6.75	6.71	77.50	**20.38**	
157	157	Nguyễn Quốc Tuấn		24/05/1992	Phú Thọ	NT-0547	Đa khoa	7.00	6.25	7.13	76.30	**20.38**	
158	158	Nguyễn Thị Mến	Nữ	18/03/1993	Thái Bình	NT-0295	Đa khoa	6.92	6.67	6.77	72.50	**20.36**	
159	159	Thân Thị Ngọc Lan	Nữ	28/07/1992	Vĩnh Phúc	NT-0254	Đa khoa	6.92	6.58	6.85	85.00	**20.35**	
160	160	Trần Thị Tân		06/11/1993	Thái Bình	NT-0419	Đa khoa	6.58	6.92	6.85	81.30	**20.35**	
161	161	Bùi Thị Thu Trang	Nữ	04/11/1993	Quảng Ninh	NT-0497	Đa khoa	6.67	6.50	7.17	71.30	**20.34**	
162	162	Phạm Thị Hồng	Nữ	13/06/1993	Nam Định	NT-0185	Đa khoa	6.25	6.83	7.25	86.30	**20.33**	
163	163	Lê Tuấn Anh		28/12/1993	Thanh Hóa	NT-0013	Đa khoa	6.42	6.83	7.06	72.50	**20.31**	
164	164	Đào Tiến Dân		01/07/1993	Thái Bình	NT-0065	Đa khoa	7.17	6.67	6.44	77.50	**20.28**	
165	165	Đinh Thị Hoa	Nữ	29/05/1993	Thái Nguyên	NT-0157	Đa khoa	7.00	6.75	6.52	82.50	**20.27**	
166	166	Phạm Diễm Hương	Nữ	01/05/1993	Vĩnh Phúc	NT-0209	Đa khoa	7.17	6.50	6.60	73.80	**20.27**	
167	167	Hà Văn Quý		24/04/1993	Hưng Yên	NT-0391	Đa khoa	6.42	6.42	7.42	Miễn thi	**20.26**	
168	168	Nguyễn Thị Trang	Nữ	10/10/1993	Nghệ An	NT-0508	Đa khoa	6.25	7.50	6.50	86.30	**20.25**	
169	169	Nguyễn Quốc Hùng		24/08/1993	Hà Nội	NT-0193	Đa khoa	6.17	6.42	7.65	82.50	**20.24**	
170	170	Phan Văn Nhã		10/01/1993	Bắc Ninh	NT-0333	Đa khoa	6.58	6.83	6.81	78.80	**20.22**	
171	171	Phan Thị Chung	Nữ	20/11/1993	Bắc Ninh	NT-0055	Đa khoa	6.67	6.58	6.96	78.80	**20.21**	
172	172	Hoàng Hữu Đức		25/06/1993	Tuyên Quang	NT-0107	Đa khoa	6.42	7.00	6.79	58.80	**20.21**	
173	173	Đoàn Mạnh Cường		14/05/1993	Thái Bình	NT-0057	Đa khoa	6.75	6.00	7.44	65.00	**20.19**	
174	174	Nguyễn Huệ Linh	Nữ	29/09/1993	Thanh Hóa	NT-0268	Đa khoa	6.33	6.25	7.60	72.50	**20.18**	
175	175	Hoàng Văn Trung		21/07/1993	Hải Dương	NT-0521	Đa khoa	6.50	6.58	7.10	65.00	**20.18**	
176	176	Trịnh Minh Đức		07/03/1993	Thanh Hóa	NT-0114	Đa khoa	6.50	6.00	7.67	77.50	**20.17**	
177	177	Đoàn Phương Thảo	Nữ	08/07/1993	Hải Dương	NT-0450	Đa khoa	6.75	6.00	7.40	83.80	**20.15**	
178	178	Nguyễn Minh Trang	Nữ	31/03/1993	Hà Nội	NT-0505	Đa khoa	6.83	6.50	6.81	85.00	**20.14**	
179	179	Hà Quang Huy		02/01/1993	Bắc Giang	NT-0217	Đa khoa	7.00	6.83	6.29	80.00	**20.12**	
180	180	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	15/06/1993	Thái Nguyên	NT-0577	Đa khoa	6.50	6.67	6.94	77.50	**20.11**	
181	181	Nguyễn Thị Hồng Phấn	Nữ	14/03/1993	Hải Dương	NT-0349	Đa khoa	6.42	5.75	7.92	Miễn thi	**20.09**	
182	182	Trần Thị Hoàng Anh	Nữ	01/12/1993	Vĩnh Phúc	NT-0032	Đa khoa	7.00	6.50	6.58	73.80	**20.08**	
183	183	Nguyễn Văn Tuấn		06/02/1993	Nghệ An	NT-0540	Đa khoa	6.42	6.83	6.83	53.80	**20.08**	
184	184	Nguyễn Duy Gia		10/01/1993	Hà Tĩnh	NT-0116	Đa khoa	6.58	6.00	7.50	Miễn thi	**20.08**	
185	185	Chu Văn Vinh		11/11/1993	Vĩnh Phúc	NT-0570	Đa khoa	7.25	5.92	6.90	60.00	**20.07**	
186	186	Đào Vĩnh Phúc		06/02/1993	Thái Bình	NT-0358	Đa khoa	6.42	6.67	6.98	Miễn thi	**20.07**	
187	187	Phạm Quang Hùng		23/02/1993	Thái Bình	NT-0198	Đa khoa	6.75	6.50	6.81	63.80	**20.06**	
188	188	Mai Thị Ngọc	Nữ	15/03/1993	Thanh Hóa	NT-0322	Đa khoa	6.75	6.17	7.10	55.00	**20.02**	
189	189	Lưu Tuấn Anh		16/12/1993	Nghệ An	NT-0016	Đa khoa	6.25	7.33	6.44	73.80	**20.02**	

TT	TT CN	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng	
190	190	Nguyễn Công Huân		06/05/1993	Đăk Lắc	NT-0188	Đa khoa	6.33	6.33	7.35	56.30	**20.01**	
191	191	Cấn Thị Hằng	Nữ	14/08/1993	Hà Nội	NT-0134	Đa khoa	6.92	6.33	6.75	80.00	**20.00**	
192	192	Nguyễn Đa Kiên		17/08/1993	Hải Dương	NT-0248	Đa khoa	6.17	6.50	7.33	86.30	**20.00**	
193	193	Đào Phan Thu Hường	Nữ	28/01/1993	Hải Dương	NT-0213	Đa khoa	6.92	5.92	7.15	Miễn thi	**19.99**	
194	194	Nguyễn Tiến Đạt		21/01/1993	Nam Định	NT-0095	Đa khoa	6.92	6.08	6.98	78.80	**19.98**	
195	195	Nguyễn Đình Phú		27/12/1993	Hưng Yên	NT-0354	Đa khoa	6.42	7.00	6.52	82.50	**19.94**	
196	196	Chu Ngọc Minh		14/09/1993	Bắc Giang	NT-0297	Đa khoa	6.42	6.17	7.35	73.80	**19.94**	
197	197	Nguyễn Thị Mai	Nữ	01/10/1993	Nam Định	NT-0288	Đa khoa	6.42	6.42	7.08	73.80	**19.92**	
198	198	Đào Thị Trang	Nữ	21/04/1993	Hải Phòng	NT-0499	Đa khoa	6.58	6.50	6.83	77.50	**19.91**	
199	199	Lê Thị Thu	Nữ	16/03/1993	Nghệ An	NT-0471	Đa khoa	6.67	5.58	7.65	62.50	**19.90**	
200	200	Trương Ngọc Thái		10/12/1993	Thanh Hóa	NT-0421	Đa khoa	6.67	6.17	7.04	75.00	**19.88**	
201	201	Nguyễn Minh Thu	Nữ	05/06/1993	Thái Bình	NT-0472	Đa khoa	7.08	5.75	7.04	75.00	**19.87**	
202	202	Nguyễn Thị Phóng	Nữ	12/05/1993	Bắc Ninh	NT-0353	Đa khoa	6.75	6.33	6.75	82.50	**19.83**	
203	203	Nguyễn Đức Phan		04/08/1993	Hà Nội	NT-0348	Đa khoa	6.50	6.75	6.56	58.80	**19.81**	
204	204	Nguyễn Công Hoàng		20/08/1992	Nghệ An	NT-0173	Đa khoa	6.00	5.92	7.88	68.80	**19.80**	
205	205	Tạ Thị Lưu	Nữ	05/02/1993	Vĩnh Phúc	NT-0286	Đa khoa	6.58	6.42	6.79	76.30	**19.79**	
206	206	Hà Văn Hồng		20/05/1992	Nghệ An	NT-0183	Đa khoa	6.25	6.83	6.71	76.30	**19.79**	
207	207	Vũ Thị Huyền	Nữ	05/01/1993	Hải Phòng	NT-0231	Đa khoa	6.17	6.33	7.27	73.80	**19.77**	
208	208	Nguyễn Như Phong		26/06/1993	Hà Tĩnh	NT-0351	Đa khoa	6.50	6.58	6.69	73.80	**19.77**	
209	209	Hoàng Sỹ Quý		20/05/1993	Thanh Hóa	NT-0392	Đa khoa	6.42	6.17	7.17	67.50	**19.76**	
210	210	Hoàng Thị Oanh	Nữ	20/06/1993	Hà Tĩnh	NT-0346	Đa khoa	6.75	6.58	6.40	56.30	**19.73**	
211	211	Bùi Thị Phương Thảo	Nữ	27/11/1993	Nghệ An	NT-0448	Đa khoa	6.83	6.25	6.65	68.80	**19.73**	
212	212	Trần Thị Thúy	Nữ	21/10/1993	Hà Nội	NT-0480	Đa khoa	6.33	6.50	6.85	66.30	**19.68**	
213	213	Cao Tuấn Đạt		15/12/1992	Bắc Giang	NT-0090	Đa khoa	6.33	6.50	6.85	67.50	**19.68**	
214	214	Phan Hồng Long		14/09/1993	Nghệ An	NT-0281	Đa khoa	6.50	6.08	7.10	63.80	**19.68**	
215	215	Lê Thị Yến	Nữ	24/09/1993	Thanh Hóa	NT-0575	Đa khoa	6.67	6.33	6.67	72.50	**19.67**	
216	216	Lê Vũ Huyền Trang	Nữ	12/03/1993	Hưng Yên	NT-0503	Đa khoa	5.75	6.50	7.42	82.50	**19.67**	
217	217	Hà Đình Khải		22/11/1993	Lạng Sơn	NT-0232	Đa khoa	7.17	5.75	6.75	63.80	**19.67**	
218	218	Nguyễn Thị Minh Quý	Nữ	02/03/1993	Hà Tĩnh	NT-0394	Đa khoa	5.83	6.58	7.25	66.30	**19.66**	
219	219	Trần Hồng Quân		17/06/1993	Hưng Yên	NT-0389	Đa khoa	6.67	6.50	6.46	77.50	**19.63**	
220	220	Kiều Hữu Thạo		12/03/1993	Hà Nội	NT-0458	Đa khoa	6.42	6.33	6.88	68.80	**19.63**	
221	221	Văn Thị Thu Hiền	Nữ	29/04/1993	Nghệ An	NT-0153	Đa khoa	6.92	5.75	6.90	62.50	**19.57**	
222	222	Nguyễn Văn Khanh		14/12/1993	Ninh Bình	NT-0235	Đa khoa	6.50	6.67	6.38	66.30	**19.55**	
223	223	Nguyễn Đức Minh		28/06/1993	Phú Thọ	NT-0302	Đa khoa	6.67	6.00	6.88	81.30	**19.55**	
224	224	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	30/07/1993	Hà Nội	NT-0021	Đa khoa	6.50	6.50	6.54	80.00	**19.54**	
225	225	Nguyễn Bá Đạt		24/01/1993	Hà Nội	NT-0093	Đa khoa	6.08	6.50	6.96	Miễn thi	**19.54**	
226	226	Nguyễn Huy Đông		30/03/1993	Bắc Ninh	NT-0103	Đa khoa	6.42	5.83	7.27	77.50	**19.52**	
227	227	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	11/12/1993	Phú Thọ	NT-0273	Đa khoa	5.92	7.08	6.50	66.30	**19.50**	
228	228	Nguyễn Thị Nga	Nữ	24/05/1993	Vĩnh Phúc	NT-0313	Đa khoa	6.75	5.58	7.15	86.30	**19.48**	

TT	TT CN	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng	
229	229	Đặng Thị Lõn	Nữ	20/11/1993	Hưng Yên	NT-0277	Đa khoa	6.67	6.42	6.38	73.80	**19.47**	
230	230	Nguyễn Quang Minh		11/02/1993	Quảng Ninh	NT-0303	Đa khoa	6.67	6.42	6.38	Miễn thi	**19.47**	
231	231	Nguyễn Thị Phương Nhung	Nữ	17/09/1993	Nam Định	NT-0341	Đa khoa	6.67	6.08	6.71	78.80	**19.46**	
232	232	Hoàng Thị Yến Hoa	Nữ	22/08/1993	Hà Nam	NT-0158	Đa khoa	6.83	6.08	6.52	63.80	**19.43**	
233	233	Phan Văn Hưởng		02/05/1993	Nghệ An	NT-0216	Đa khoa	6.33	6.42	6.65	77.50	**19.40**	
234	234	Nguyễn Văn Đạo		15/09/1992	Nghệ An	NT-0089	Đa khoa	5.92	6.58	6.90	61.30	**19.40**	
235	235	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	08/08/1993	Bắc Ninh	NT-0271	Đa khoa	6.42	6.75	6.21	82.50	**19.38**	
236	236	Nguyễn Quang Huy		15/08/1992	Nam Định	NT-0220	Đa khoa	6.75	6.75	5.88	Miễn thi	**19.38**	
237	237	Cao Xuân Kiên		23/08/1993	Nam Định	NT-0247	Đa khoa	6.75	6.25	6.38	68.80	**19.38**	
238	238	Ngụy Thị Vân	Nữ	09/03/1993	Bắc Giang	NT-0565	Đa khoa	6.25	6.58	6.54	80.00	**19.37**	
239	239	Hà Tùng Lâm		22/10/1993	Phú Thọ	NT-0250	Đa khoa	6.33	6.58	6.46	70.00	**19.37**	
240	240	Vũ Thị Thủy	Nữ	20/01/1993	Hưng Yên	NT-0484	Đa khoa	6.25	6.50	6.60	73.80	**19.35**	
241	241	Phạm Thị Thanh Nga	Nữ	10/01/1993	Hải Dương	NT-0314	Đa khoa	6.67	6.08	6.60	60.00	**19.35**	
242	242	Nguyễn Văn Sáng		15/09/1993	Hà Nội	NT-0403	Đa khoa	6.67	6.08	6.58	62.50	**19.33**	
243	243	Phí Thị Nguyệt Anh	Nữ	04/11/1993	Hà Nội	NT-0029	Đa khoa	6.75	6.42	6.15	73.80	**19.32**	
244	245	Lê Thị Hà An	Nữ	03/09/1993	Nghệ An	NT-0001	Đa khoa	6.58	6.42	6.31	57.50	**19.31**	
245	244	Nguyễn Trọng Hưng		03/02/1993	Bắc Ninh	NT-0201	Đa khoa	6.58	6.00	6.73	71.30	**19.31**	
246	246	Nguyễn Minh Toàn		12/11/1993	Hà Nội	NT-0494	Đa khoa	6.33	5.67	7.31	61.30	**19.31**	
247	247	Nguyễn Văn Hồng Quân		04/07/1993	Thanh Hóa	NT-0388	Đa khoa	6.92	5.42	6.96	73.80	**19.30**	
248	248	Đào Sang Mỹ	Nữ	05/11/1993	Hà Nội	NT-0305	Đa khoa	6.33	6.58	6.38	70.00	**19.29**	
249	249	Nguyễn Hồng Sơn		21/10/1993	Phú Thọ	NT-0406	Đa khoa	6.75	6.50	6.04	66.30	**19.29**	
250	250	Giáp Văn Hân		20/05/1993	Bắc Giang	NT-0132	Đa khoa	6.75	6.08	6.46	70.00	**19.29**	
251	251	Lê Việt Dũng		27/11/1993	Phú Thọ	NT-0072	Đa khoa	6.25	6.33	6.71	70.00	**19.29**	
252	252	Nguyễn Thị Chi	Nữ	01/09/1993	Bắc Giang	NT-0049	Đa khoa	6.25	5.83	7.19	65.00	**19.27**	
253	253	Phạm Thị Tuyết Dung	Nữ	24/08/1993	Hà Nam	NT-0067	Đa khoa	6.42	6.83	6.00	Miễn thi	**19.25**	
254	254	Đồng Minh Phương	Nữ	19/01/1993	Hà Nội	NT-0361	Đa khoa	5.58	6.25	7.42	Miễn thi	**19.25**	
255	255	Vương Thị Hường	Nữ	14/12/1993	Hà Nội	NT-0215	Đa khoa	6.58	6.33	6.27	Miễn thi	**19.18**	
256	256	Kim Anh Tùng		17/08/1993	Vĩnh Phúc	NT-0550	Đa khoa	6.08	6.00	7.06	73.80	**19.14**	
257	257	Lê Minh Dương		17/11/1993	Hải Phòng	NT-0084	Đa khoa	6.50	5.92	6.69	Miễn thi	**19.11**	
258	258	Nguyễn Chí Thành		15/06/1993	Hà Nội	NT-0440	Đa khoa	5.67	6.25	7.19	Miễn thi	**19.11**	
259	259	Nguyễn Đình Duy		20/06/1993	Bắc Ninh	NT-0081	Đa khoa	6.08	5.92	7.10	65.00	**19.10**	
260	260	Phạm Huy Khánh		23/08/1993	Bắc Ninh	NT-0241	Đa khoa	7.00	6.42	5.67	50.00	**19.09**	
261	261	Lê Phùng Thành		26/08/1993	Nghệ An	NT-0438	Đa khoa	5.92	5.92	7.25	63.80	**19.09**	
262	262	Vũ Hoàng Anh Trâm	Nữ	13/09/1993	Bắc Ninh	NT-0496	Đa khoa	6.25	6.33	6.50	68.80	**19.08**	
263	263	Đỗ Quang Linh		17/11/1993	Phú Thọ	NT-0261	Đa khoa	6.25	5.75	7.08	72.50	**19.08**	
264	264	Trần Văn Quý		24/01/1993	Vĩnh Phúc	NT-0395	Đa khoa	6.92	5.92	6.23	66.30	**19.07**	
265	265	Trần Tiến Tùng		02/06/1993	Hà Nội	NT-0556	Đa khoa	6.42	6.00	6.65	70.00	**19.07**	
266	266	Phạm Thị Lệ	Nữ	03/07/1993	Bắc Giang	NT-0257	Đa khoa	5.83	6.17	7.06	72.50	**19.06**	
267	267	Phan Hồng Minh	Nữ	30/11/1993	Nghệ An	NT-0304	Đa khoa	5.58	6.42	7.06	67.50	**19.06**	

TT	TT CN	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng	
268	268	Nguyễn Anh Tùng		06/11/1993	Hà Nội	NT-0553	Đa khoa	6.17	6.08	6.81	73.80	**19.06**	
269	269	Mai Xuân Đạt		12/02/1993	Thanh Hóa	NT-0092	Đa khoa	7.00	5.25	6.81	65.00	**19.06**	
270	270	Cao Thế Hưng		22/07/1993	Hải Phòng	NT-0199	Đa khoa	6.08	6.17	6.79	81.30	**19.04**	
271	271	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	18/02/1993	Bắc Ninh	NT-0151	Đa khoa	6.42	6.25	6.33	75.00	**19.00**	
272	272	Nguyễn Công Minh		17/02/1993	Bắc Ninh	NT-0301	Đa khoa	6.58	6.17	6.25	66.30	**19.00**	
273	273	Lê Văn Toàn		13/11/1993	Nghệ An	NT-0493	Đa khoa	6.25	6.08	6.67	62.50	**19.00**	
274	274	Trịnh Phương Dung	Nữ	21/04/1993	Thanh Hóa	NT-0069	Đa khoa	6.50	6.08	6.40	78.80	**18.98**	
275	275	Trần Thanh Cường		12/07/1993	Hà Nội	NT-0062	Đa khoa	6.33	5.58	7.06	75.00	**18.97**	
276	276	Nguyễn Hải Yến	Nữ	20/12/1993	Thái Bình	NT-0576	Đa khoa	6.17	6.00	6.77	82.50	**18.94**	
277	277	Phạm Văn Đoàn		08/08/1993	Hà Nội	NT-0101	Đa khoa	6.75	5.75	6.42	81.30	**18.92**	
278	278	Đàm Thị Thanh Tâm	Nữ	23/06/1993	Nam Định	NT-0414	Đa khoa	6.08	6.25	6.58	73.80	**18.91**	
279	279	Trương Đức Thái		23/05/1993	Nam Định	NT-0420	Đa khoa	5.58	6.33	7.00	63.80	**18.91**	
280	280	Nguyễn Tiến Hoàng		08/10/1993	Hà Tĩnh	NT-0176	Đa khoa	5.75	6.25	6.88	80.00	**18.88**	
281	281	Nguyễn Thị Nga	Nữ	17/11/1993	Nam Định	NT-0312	Đa khoa	6.58	5.83	6.42	85.00	**18.83**	
282	282	Đào Văn Trí		18/03/1993	Hà Nam	NT-0516	Đa khoa	6.25	6.00	6.58	53.80	**18.83**	
283	283	Đồng Thị Hằng Phương	Nữ	04/07/1993	Thanh Hóa	NT-0362	Đa khoa	6.67	6.17	5.98	83.80	**18.82**	
284	284	Ngô Quang Trung		27/07/1993	Nam Định	NT-0523	Đa khoa	6.50	5.83	6.48	76.30	**18.81**	
285	285	Chu Thị Thu	Nữ	26/08/1993	Bắc Giang	NT-0469	Đa khoa	6.25	6.50	6.04	65.00	**18.79**	
286	286	Phạm Hữu Đức		08/02/1993	Vĩnh Phúc	NT-0111	Đa khoa	6.25	5.92	6.58	71.30	**18.75**	
287	287	Phạm Đình Phương		20/08/1992	Hải Dương	NT-0369	Đa khoa	6.00	5.75	6.98	73.80	**18.73**	
288	288	Nguyễn Thành Nam		15/02/1993	Hà Nội	NT-0310	Đa khoa	6.00	5.58	7.15	80.00	**18.73**	
289	289	Trần Hữu Đạt		11/09/1993	Vĩnh Phúc	NT-0097	Đa khoa	6.08	6.08	6.56	80.00	**18.72**	
290	290	Nguyễn Quang Dự		28/07/1993	Hải Dương	NT-0086	Đa khoa	5.58	6.08	7.04	76.30	**18.70**	
291	291	Nguyễn Đức Linh		12/12/1993	Nghệ An	NT-0267	Đa khoa	6.58	6.25	5.83	78.80	**18.66**	
292	292	Đào Nguyên Chính		22/08/1993	Hải Dương	NT-0052	Đa khoa	5.33	6.33	6.98	71.30	**18.64**	
293	293	Nguyễn Hồng Ngọc	Nữ	23/12/1993	Tuyên Quang	NT-0323	Đa khoa	6.25	6.08	6.27	73.80	**18.60**	
294	294	Nguyễn Việt Thắng		13/01/1993	Thái Bình	NT-0427	Đa khoa	5.58	6.08	6.94	83.80	**18.60**	
295	295	Trần Thị Ngọc Mai	Nữ	03/07/1993	Thanh Hóa	NT-0290	Đa khoa	5.92	6.50	6.15	72.50	**18.57**	
296	296	Nguyễn Thị Mai Phương	Nữ	20/12/1993	Hải Dương	NT-0366	Đa khoa	6.58	6.17	5.81	66.30	**18.56**	
297	297	Bùi Thị Hạnh	Nữ	21/01/1993	Thái Bình	NT-0142	Đa khoa	6.08	6.42	6.06	75.00	**18.56**	
298	298	Nguyễn Văn Đức		07/01/1993	Nam Định	NT-0110	Đa khoa	6.92	6.25	5.38	Miễn thi	**18.55**	
299	299	Phùng Thị Thúy	Nữ	23/09/1993	Hà Nội	NT-0478	Đa khoa	5.92	5.92	6.65	60.00	**18.49**	
300	300	Chu Thị Thanh Hoa	Nữ	16/06/1993	Bắc Giang	NT-0156	Đa khoa	6.50	6.00	5.94	77.50	**18.44**	
301	301	Lê Quang Nam		16/10/1993	Nghệ An	NT-0307	Đa khoa	5.75	6.92	5.77	66.30	**18.44**	
302	302	Hồ Trọng Hiếu		30/04/1993	Nghệ An	NT-0155	Đa khoa	5.75	5.83	6.85	71.30	**18.43**	
303	303	Lê Hồng Quân		01/02/1993	Vĩnh Phúc	NT-0385	Đa khoa	6.33	5.67	6.42	66.30	**18.42**	
304	304	Vũ Ngọc Tuấn		08/09/1993	Nam Định	NT-0546	Đa khoa	5.58	6.33	6.50	71.30	**18.41**	
305	305	Vũ Văn Hoài		06/12/1993	Bắc Ninh	NT-0169	Đa khoa	5.75	6.50	6.13	65.00	**18.38**	
306	306	Lê Quang Trung		10/04/1993	Nam Định	NT-0522	Đa khoa	6.25	5.67	6.46	75.00	**18.38**	

TT	TT CN	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng	
307	307	Phan Thị Dung	Nữ	05/10/1992	Hưng Yên	NT-0068	Đa khoa	5.08	6.50	6.77	86.30	**18.35**	
308	308	Nguyễn Kim Anh	Nữ	19/09/1993	Hà Nội	NT-0019	Đa khoa	6.08	5.58	6.67	72.50	**18.33**	
309	309	Dương Thị Uyên	Nữ	22/03/1993	Bắc Giang	NT-0562	Đa khoa	5.58	5.75	6.98	78.80	**18.31**	
310	310	Đào Văn Phúc		22/02/1993	Bắc Ninh	NT-0357	Đa khoa	5.83	5.92	6.54	65.00	**18.29**	
311	311	Trần Hùng Cường		06/07/1993	Thái Bình	NT-0060	Đa khoa	5.33	6.00	6.96	90.00	**18.29**	
312	312	Tạ Văn Lâm		12/12/1992	Gia Lai	NT-0251	Đa khoa	5.83	5.67	6.77	73.80	**18.27**	
313	313	Đỗ Thùy Dung	Nữ	20/11/1993	Hà Nội	NT-0066	Đa khoa	6.08	5.92	6.23	81.30	**18.23**	
314	314	Vũ Đình Nho		18/10/1993	Hải Dương	NT-0337	Đa khoa	5.92	6.42	5.88	68.80	**18.22**	
315	315	Hoàng Ngọc Thành		28/04/1993	Gia Lai	NT-0437	Đa khoa	6.00	5.75	6.46	75.00	**18.21**	
316	316	Nguyễn Trần Hoàng		28/06/1993	Hà Tĩnh	NT-0177	Đa khoa	6.08	5.92	6.19	83.80	**18.19**	
317	317	Nguyễn Tuấn Đạt		18/09/1993	Thái Bình	NT-0096	Đa khoa	6.33	5.42	6.44	72.50	**18.19**	
318	318	Hà Văn Thiện		30/04/1993	Vĩnh Phúc	NT-0460	Đa khoa	6.58	6.00	5.60	67.50	**18.18**	
319	319	Đỗ Duy Giang		19/03/1993	Hà Nam	NT-0117	Đa khoa	5.83	6.17	6.17	72.50	**18.17**	
320	320	Nguyễn Thiện Thế		21/06/1993	Nghệ An	NT-0459	Đa khoa	6.08	5.92	6.17	70.00	**18.17**	
321	321	Trịnh Xuân Khánh		08/02/1993	Hà Nam	NT-0242	Đa khoa	5.50	6.00	6.60	70.00	**18.10**	
322	322	Nguyễn Thị Hương	Nữ	06/07/1992	Bắc Ninh	NT-0206	Đa khoa	5.25	6.58	6.25	70.00	**18.08**	
323	323	Vũ Ngọc Hà	Nữ	10/11/1993	Nam Định	NT-0127	Đa khoa	5.67	6.00	6.40	68.80	**18.07**	
324	324	Nguyễn Hoàng Thành		21/11/1993	Hà Nội	NT-0441	Đa khoa	5.67	6.08	6.31	77.50	**18.06**	
325	325	Nguyễn Thị Lương	Nữ	12/10/1991	Thanh Hóa	NT-0285	Đa khoa	6.08	5.67	6.29	62.50	**18.04**	
326	326	Vũ Thị Hà	Nữ	08/09/1993	Thái Bình	NT-0128	Đa khoa	5.75	5.92	6.35	73.80	**18.02**	
327	327	Nguyễn Quang Duy		08/03/1992	Bắc Giang	NT-0082	Đa khoa	6.17	6.00	5.85	52.50	**18.02**	
328	328	Nguyễn Minh Phương		07/02/1993	Thái Bình	NT-0364	Đa khoa	6.17	6.00	5.85	50.00	**18.02**	
329	329	Nguyễn Đức Đông		02/02/1993	Thanh Hóa	NT-0102	Đa khoa	6.42	5.92	5.67	76.30	**18.01**	
330	330	Phạm Thị Lan Phương	Nữ	15/03/1993	Hải Dương	NT-0370	Đa khoa	5.83	5.75	6.42	81.30	**18.00**	
331	331	Phạm Thế Văn		07/12/1993	Hải Dương	NT-0563	Đa khoa	5.08	5.58	7.29	76.30	**17.95**	
332	332	Trịnh Anh Tuấn		03/10/1993	Thanh Hóa	NT-0545	Đa khoa	6.42	5.83	5.65	75.00	**17.90**	
333	333	Hoàng Văn Tiệp		06/04/1993	Thanh Hóa	NT-0492	Đa khoa	5.58	5.83	6.46	67.50	**17.87**	
334	334	Cao Minh Tài		18/10/1993	Phú Thọ	NT-0411	Đa khoa	6.50	6.00	5.33	61.30	**17.83**	
335	335	Nguyễn Đức Nhật		11/11/1993	Bắc Ninh	NT-0335	Đa khoa	5.58	5.92	6.31	66.30	**17.81**	
336	336	Nguyễn Đình Nam		29/07/1993	Hải Dương	NT-0308	Đa khoa	5.50	6.00	6.29	68.80	**17.79**	
337	337	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nữ	20/09/1993	Hà Tĩnh	NT-0485	Đa khoa	4.83	6.42	6.52	51.30	**17.77**	
338	338	Nguyễn Thị Hà	Nữ	06/03/1992	Hà Nội	NT-0124	Đa khoa	6.17	6.25	5.33	56.30	**17.75**	
339	339	Mạnh Trọng Bằng		13/11/1993	Nghệ An	NT-0041	Đa khoa	5.83	5.67	6.25	58.80	**17.75**	
340	340	Hà Trung Chính		14/02/1993	Phú Thọ	NT-0053	Đa khoa	5.25	6.08	6.42	55.00	**17.75**	
341	341	Bùi Văn Chiến		08/06/1993	Vĩnh Phúc	NT-0050	Đa khoa	5.50	6.58	5.65	52.50	**17.73**	
342	342	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	06/01/1993	Phú Thọ	NT-0160	Đa khoa	6.42	5.67	5.63	68.80	**17.72**	
343	343	Đặng Thu Thảo	Nữ	08/04/1993	Gia Lai	NT-0449	Đa khoa	5.33	6.08	6.31	66.30	**17.72**	
344	344	Ngô Minh Phúc		18/09/1993	Hà Tĩnh	NT-0359	Đa khoa	5.50	6.17	6.04	73.80	**17.71**	
345	345	Nguyễn Đức Tuấn		10/06/1993	Hà Nội	NT-0538	Đa khoa	5.75	5.50	6.42	67.50	**17.67**	

TT	TT CN	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng	
346	346	Đặng Trần Trung		31/03/1994	Hà Nội	NT-0520	Đa khoa	5.25	5.58	6.83	71.30	**17.66**	
347	347	Đỗ Thị Loan	Nữ	11/07/1993	Bắc Giang	NT-0275	Đa khoa	5.33	5.33	6.96	62.50	**17.62**	
348	348	Hoàng Thị Liên	Nữ	11/04/1993	Hà Nội	NT-0258	Đa khoa	5.75	5.67	6.19	83.80	**17.61**	
349	349	Phan Nữ Thục Hiền	Nữ	20/12/1993	Nghệ An	NT-0150	Đa khoa	5.67	5.42	6.52	71.30	**17.61**	
350	350	Nguyễn Văn Ánh		18/08/1993	Nam Định	NT-0035	Đa khoa	6.83	6.00	4.77	76.30	**17.60**	
351	351	Nguyễn Mạnh Tiến		01/07/1993	Hà Nội	NT-0489	Đa khoa	5.42	6.17	6.00	63.80	**17.59**	
352	352	Lê Linh Hương	Nữ	18/12/1993	Hà Nội	NT-0204	Đa khoa	6.08	5.58	5.90	85.00	**17.56**	
353	353	Đào Khánh Linh	Nữ	08/08/1993	Thanh Hóa	NT-0260	Đa khoa	6.33	5.83	5.38	76.30	**17.54**	
354	354	Trịnh Thị Trang	Nữ	17/10/1993	Nghệ An	NT-0514	Đa khoa	5.58	5.92	6.04	73.80	**17.54**	
355	355	Vũ Thị Bình	Nữ	12/04/1991	Nam Định	NT-0044	Đa khoa	5.67	5.33	6.50	73.80	**17.50**	
356	356	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	25/03/1993	Nghệ An	NT-0432	Đa khoa	6.50	6.00	4.98	71.30	**17.48**	
357	357	Vũ Đức Anh		20/10/1993	Thái Bình	NT-0034	Đa khoa	5.42	5.67	6.38	72.50	**17.47**	
358	358	Nguyễn Văn Thắng		17/08/1993	Bắc Ninh	NT-0426	Đa khoa	6.50	5.75	5.21	61.30	**17.46**	
359	359	Trần Thị Hải Yến	Nữ	10/09/1993	Ninh Bình	NT-0579	Đa khoa	6.25	6.17	5.02	75.00	**17.44**	
360	360	Trần Hoàn		01/04/1993	Bắc Giang	NT-0171	Đa khoa	6.17	5.67	5.60	75.00	**17.44**	
361	361	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	24/03/1993	Hải Dương	NT-0509	Đa khoa	5.92	5.75	5.75	75.00	**17.42**	
362	362	Nguyễn Thị Hương	Nữ	23/01/1991	Hưng Yên	NT-0205	Đa khoa	6.42	5.42	5.56	62.50	**17.40**	
363	363	Lê Thị Mai	Nữ	15/04/1993	Nghệ An	NT-0287	Đa khoa	5.58	5.58	6.23	70.00	**17.39**	
364	364	Đào Thị Mai Ngọc	Nữ	20/10/1993	Hà Nội	NT-0320	Đa khoa	5.75	5.50	6.13	85.00	**17.38**	
365	365	Lê Hoàng Thắng		18/11/1993	Thái Nguyên	NT-0425	Đa khoa	5.50	5.75	6.13	Miễn thi	**17.38**	
366	366	Phạm Bá An		13/04/1993	Hải Dương	NT-0002	Đa khoa	5.00	6.17	6.21	68.80	**17.38**	
367	367	Khiếu Thị Hồng Nhung	Nữ	01/07/1993	Thái Bình	NT-0340	Đa khoa	5.83	6.08	5.46	65.00	**17.37**	
368	368	Nguyễn Thị Như Ngọc	Nữ	15/04/1993	Hưng Yên	NT-0326	Đa khoa	5.33	6.08	5.96	66.30	**17.37**	
369	369	Đinh Thị Lan Hương	Nữ	04/07/1993	Bắc Giang	NT-0203	Đa khoa	5.75	5.75	5.85	76.30	**17.35**	
370	370	Lại Văn Dũng		05/09/1993	Thanh Hóa	NT-0070	Đa khoa	5.83	5.08	6.42	53.80	**17.33**	
371	371	Phạm Anh Tuấn		14/05/1993	Thái Bình	NT-0542	Đa khoa	6.75	5.17	5.40	82.50	**17.32**	
372	372	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	02/08/1992	Hà Nam	NT-0456	Đa khoa	5.67	5.67	5.94	72.50	**17.28**	
373	373	Trần Duy Hoàng		26/07/1993	Lạng Sơn	NT-0180	Đa khoa	5.92	6.17	5.19	65.00	**17.28**	
374	374	Nguyễn Trung Kiên		08/07/1993	Hà Nội	NT-0249	Đa khoa	5.92	5.67	5.63	Miễn thi	**17.22**	
375	375	Nguyễn Thị Hương	Nữ	20/10/1992	Hà Nội	NT-0207	Đa khoa	5.83	5.92	5.46	56.30	**17.21**	
376	376	Trần Ngọc Mạnh Tú		30/11/1993	Hà Nội	NT-0532	Đa khoa	6.00	5.75	5.46	82.50	**17.21**	
377	377	Nguyễn Hữu Thanh		27/01/1993	Nghệ An	NT-0431	Đa khoa	5.58	5.75	5.88	52.50	**17.21**	
378	378	Đào Huy Thành		28/11/1993	Hà Nội	NT-0435	Đa khoa	5.58	5.67	5.96	78.80	**17.21**	
379	379	Vũ Thị Hiền	Nữ	19/09/1993	Nam Định	NT-0154	Đa khoa	5.08	5.42	6.63	81.30	**17.13**	
380	380	Nguyễn Nhật Quang		17/04/1993	Nghệ An	NT-0381	Đa khoa	5.75	6.17	5.21	67.50	**17.13**	
381	381	Nguyễn Thị Linh	Nữ	20/10/1993	Thanh Hóa	NT-0269	Đa khoa	6.58	5.33	5.21	60.00	**17.12**	
382	382	Lương Thanh Tú		19/09/1993	Hà Nội	NT-0530	Đa khoa	5.50	5.58	6.04	61.30	**17.12**	
383	383	Vũ Văn Đệ		26/06/1993	Nam Định	NT-0099	Đa khoa	5.33	5.25	6.54	56.30	**17.12**	
384	384	Đỗ Mạnh Hà		07/11/1993	Hưng Yên	NT-0121	Đa khoa	5.67	5.83	5.52	52.50	**17.02**	

TT	TT CN	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng	
385	385	Nguyễn Văn Hậu		02/09/1993	Nam Định	NT-0147	Đa khoa	6.08	5.33	5.60	58.80	**17.01**	
386	386	Lý Văn Thành		24/02/1993	Hưng Yên	NT-0439	Đa khoa	5.75	5.58	5.67	58.80	**17.00**	
387	387	Trịnh Xuân Anh		05/10/1993	Vĩnh Phúc	NT-0033	Đa khoa	5.17	6.17	5.65	66.30	**16.99**	
388	388	Ngô Xuân Thoại		01/06/1993	Bắc Ninh	NT-0465	Đa khoa	5.67	5.67	5.65	58.80	**16.99**	
389	389	Phạm Thị Hoa	Nữ	10/10/1993	Nghệ An	NT-0164	Đa khoa	5.33	5.67	5.96	76.30	**16.96**	
390	390	Lê Đức Anh		06/02/1992	Nam Định	NT-0011	Đa khoa	5.50	6.25	5.21	63.80	**16.96**	
391	391	Đặng Văn Hùng		02/04/1993	Thanh Hóa	NT-0190	Đa khoa	5.92	5.58	5.46	75.00	**16.96**	
392	392	Dương Thị Nhu	Nữ	18/12/1993	Lạng Sơn	NT-0338	Đa khoa	5.17	6.17	5.60	65.00	**16.94**	
393	393	Bùi Văn Bách		30/07/1992	Hải Dương	NT-0036	Đa khoa	5.67	6.17	5.10	60.00	**16.94**	
394	394	Phạm Ngọc Đình		06/12/1993	Nam Định	NT-0100	Đa khoa	5.67	5.50	5.75	71.30	**16.92**	
395	395	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	15/09/1993	Vĩnh Phúc	NT-0145	Đa khoa	6.33	5.58	5.00	55.00	**16.91**	
396	396	Mai Thị Mai Phương	Nữ	19/08/1993	Thanh Hóa	NT-0363	Đa khoa	5.58	5.83	5.50	61.30	**16.91**	
397	397	Đỗ Thị Bích Vân	Nữ	23/04/1993	Tuyên Quang	NT-0564	Đa khoa	6.00	5.33	5.58	70.00	**16.91**	
398	398	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	18/10/1993	Nam Định	NT-0144	Đa khoa	5.58	5.67	5.65	71.30	**16.90**	
399	399	Nguyễn Sỹ Khánh		15/09/1993	Nghệ An	NT-0240	Đa khoa	5.83	5.00	6.06	65.00	**16.89**	
400	400	Đỗ Thị Vân Anh	Nữ	11/09/1993	Bắc Giang	NT-0007	Đa khoa	5.75	5.58	5.54	72.50	**16.87**	
401	401	Đậu Xuân Đại		18/05/1993	Thanh Hóa	NT-0087	Đa khoa	5.33	6.08	5.40	56.30	**16.81**	
402	402	Hoàng Lương Chính		18/07/1993	Bắc Ninh	NT-0054	Đa khoa	5.75	5.25	5.77	67.50	**16.77**	
403	403	Phạm Thị Thảo	Nữ	01/04/1992	Quảng Bình	NT-0455	Đa khoa	5.50	5.50	5.73	Miễn thi	**16.73**	
404	404	Nguyễn Thị Kiều Ngân	Nữ	02/10/1993	Hà Nội	NT-0315	Đa khoa	5.25	5.33	6.15	75.00	**16.73**	
405	405	Phạm Đức Hoàn		07/06/1993	Nam Định	NT-0170	Đa khoa	5.33	5.17	6.23	76.30	**16.73**	
406	406	Nguyễn Văn Trưởng		05/07/1993	Hải Dương	NT-0527	Đa khoa	5.42	5.58	5.67	70.00	**16.67**	
407	407	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	05/04/1993	Thanh Hóa	NT-0452	Đa khoa	5.00	5.25	6.35	56.30	**16.60**	
408	408	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	26/11/1993	Hà Nội	NT-0270	Đa khoa	5.58	5.75	5.19	92.50	**16.52**	
409	409	Hoàng Thị Hằng	Nữ	08/04/1992	Hà Nội	NT-0135	Đa khoa	5.42	5.33	5.77	67.50	**16.52**	
410	410	Phạm Thiện Trung		26/11/1993	Hà Nội	NT-0524	Đa khoa	5.67	5.08	5.77	72.50	**16.52**	
411	411	Nguyễn Thái Đạt		27/10/1993	Hà Nội	NT-0094	Đa khoa	4.92	5.75	5.85	80.00	**16.52**	
412	412	Đỗ Anh Tú		02/01/1992	Hà Nội	NT-0529	Đa khoa	5.25	5.08	6.19	Miễn thi	**16.52**	
413	413	Lương Hoàng Long		25/12/1993	Hà Nội	NT-0280	Đa khoa	5.17	6.00	5.33	90.00	**16.50**	
414	414	Lê Quang Minh		14/02/1993	Hà Nội	NT-0300	Đa khoa	5.00	5.42	6.04	76.30	**16.46**	
415	415	Nguyễn Văn Cường		25/05/1993	Vĩnh Phúc	NT-0059	Đa khoa	5.17	5.83	5.44	67.50	**16.44**	
416	416	Nguyễn Thu Trang	Nữ	15/05/1993	Thái Bình	NT-0507	Đa khoa	5.50	5.25	5.63	65.00	**16.38**	
417	417	Nguyễn Đức Thiện		22/02/1993	Bắc Ninh	NT-0461	Đa khoa	5.00	5.92	5.46	83.80	**16.38**	
418	418	Bùi Văn Long		04/07/1993	Hà Tĩnh	NT-0278	Đa khoa	6.00	4.92	5.42	78.80	**16.34**	
419	419	Trịnh Thị Hạnh	Nữ	14/03/1993	Hà Nội	NT-0146	Đa khoa	4.75	5.58	5.96	56.30	**16.29**	
420	420	Nguyễn Quốc Khánh		02/09/1993	Hà Tĩnh	NT-0239	Đa khoa	6.25	5.17	4.85	56.30	**16.27**	
421	421	Dương Hồng Quân		04/12/1993	Bắc Giang	NT-0384	Đa khoa	5.58	5.50	5.13	65.00	**16.21**	
422	422	Hoàng Thị Phương Thảo	Nữ	06/09/1993	Hưng Yên	NT-0457	Đa khoa	5.17	5.42	5.56	58.80	**16.15**	
423	423	Tạ Bích Ngọc	Nữ	25/08/1993	Quảng Ninh	NT-0330	Đa khoa	5.58	5.17	5.33	76.30	**16.08**	

TT	TT CN	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng	
424	424	Bùi Thị Tâm	Nữ	14/02/1993	Hưng Yên	NT-0413	Đa khoa	5.08	5.33	5.65	70.00	**16.06**	
425	425	Đàm Thị Thu Hường	Nữ	06/01/1993	Ninh Bình	NT-0212	Đa khoa	4.92	5.67	5.44	72.50	**16.03**	
426	426	Nguyễn Anh Sơn		22/07/1993	Hưng Yên	NT-0405	Đa khoa	5.17	5.42	5.44	61.30	**16.03**	
427	427	Tôn Thị Thùy	Nữ	04/04/1993	Thanh Hóa	NT-0482	Đa khoa	5.08	6.00	4.90	61.30	**15.98**	
428	428	Nguyễn Văn Thực		02/06/1993	Bắc Ninh	NT-0475	Đa khoa	5.25	5.50	5.23	65.00	**15.98**	
429	429	Nguyễn Thành Vinh		29/08/1993	Thanh Hóa	NT-0571	Đa khoa	4.92	5.50	5.56	58.80	**15.98**	
430	430	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	04/10/1993	Hà Nội	NT-0453	Đa khoa	5.25	5.33	5.38	73.80	**15.96**	
431	431	Lưu Duy Khánh		06/11/1993	Bắc Giang	NT-0238	Đa khoa	5.08	5.92	4.94	66.30	**15.94**	
432	432	Đào Tuấn Anh		25/12/1993	Thái Bình	NT-0006	Đa khoa	5.67	5.42	4.83	72.50	**15.92**	
433	433	Nguyễn Đức Thưởng		16/06/1993	Bắc Ninh	NT-0476	Đa khoa	4.92	6.08	4.92	71.30	**15.92**	
434	434	Hoàng Quốc Khánh		21/08/1993	Thanh Hóa	NT-0237	Đa khoa	5.42	5.58	4.90	55.00	**15.90**	
435	435	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	06/11/1992	Nghệ An	NT-0138	Đa khoa	5.50	5.25	5.10	57.50	**15.85**	
436	436	Trần Văn Bôn		13/03/1993	Nam Định	NT-0045	Đa khoa	5.17	5.42	5.25	65.00	**15.84**	
437	437	Nguyễn Thị Huế	Nữ	29/09/1993	Bắc Ninh	NT-0189	Đa khoa	5.67	5.25	4.85	72.50	**15.77**	
438	438	Trần Thị Tú Tâm	Nữ	29/03/1993	Hà Tĩnh	NT-0416	Đa khoa	5.42	5.50	4.85	57.50	**15.77**	
439	439	Phạm Ngọc Dũng		22/09/1993	Ninh Bình	NT-0075	Đa khoa	5.25	5.58	4.94	52.50	**15.77**	
440	440	Nguyễn Duy Phong		17/05/1993	Thái Bình	NT-0352	Đa khoa	5.42	5.17	5.15	60.00	**15.74**	
441	441	Lê Trương Thùy Trang	Nữ	28/11/1993	ĐăkLăk	NT-0502	Đa khoa	5.58	5.33	4.79	77.50	**15.70**	
442	442	Hoàng Tuấn Anh		11/02/1992	Bắc Giang	NT-0009	Đa khoa	5.42	4.83	5.44	52.50	**15.69**	
443	443	Nguyễn Bá Ngọc Sơn		25/05/1993	Quảng Ninh	NT-0409	Đa khoa	5.25	5.33	5.10	77.50	**15.68**	
444	444	Bùi Duy Tùng		18/03/1993	Hà Nội	NT-0548	Đa khoa	5.25	5.50	4.88	62.50	**15.63**	
445	445	Phạm Thanh Tùng		25/12/1993	Nam Định	NT-0555	Đa khoa	5.17	4.92	5.50	73.80	**15.59**	
446	446	Trần Ngọc Tuấn		14/06/1993	Bình Định	NT-0544	Đa khoa	5.50	4.83	5.21	81.30	**15.54**	
447	447	Đỗ Quyết Thắng		21/09/1993	Hà Nội	NT-0424	Đa khoa	5.17	5.33	5.02	60.00	**15.52**	
448	448	Vũ Thanh Huyền	Nữ	21/11/1993	Thanh Hóa	NT-0230	Đa khoa	5.08	5.42	5.00	55.00	**15.50**	
449	449	Nguyễn Thị Đào	Nữ	09/03/1993	Nghệ An	NT-0088	Đa khoa	4.92	5.25	5.33	66.30	**15.50**	
450	450	Chu Đức Khanh		15/10/1993	Cao Bằng	NT-0234	Đa khoa	4.75	5.42	5.31	70.00	**15.48**	
451	451	Nguyễn Huy Hoàng		17/11/1993	Hà Nội	NT-0175	Đa khoa	4.83	5.83	4.81	76.30	**15.47**	
452	452	Nguyễn Đức Cảnh		25/01/1993	Hải Dương	NT-0046	Đa khoa	4.83	5.50	5.08	73.80	**15.41**	
453	453	Thái Thanh Xuân	Nữ	25/12/1993	Lai Châu	NT-0574	Đa khoa	5.50	4.75	5.15	60.00	**15.40**	
454	454	Trương Văn Tùng		30/06/1993	Hà Nội	NT-0557	Đa khoa	4.83	5.33	5.02	58.80	**15.18**	
455	455	Bùi Thị Nương	Nữ	10/12/1993	Thanh Hóa	NT-0344	Đa khoa	5.33	5.00	4.83	60.00	**15.16**	
456	456	Phùng Thị Hương	Nữ	30/08/1993	Vĩnh Phúc	NT-0210	Đa khoa	5.25	5.00	4.85	61.30	**15.10**	
457	457	Ngô Bá Anh		01/02/1993	Hà Nội	NT-0018	Đa khoa	4.75	4.83	5.27	66.30	**14.85**	
458	458	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	29/01/1993	Phú Thọ	NT-0253	Đa khoa	5.08	4.83	4.92	75.00	**14.83**	
459	459	Lê Hồng Đức		28/10/1993	Hà Nội	NT-0108	Đa khoa	5.00	4.75	5.00	92.50	**14.75**	
460	460	Vũ Thị Hồng	Nữ	04/04/1993	Nam Định	NT-0186	Đa khoa	4.83	4.92	4.75	62.50	**14.50**	
461	1	Mai Văn Cường		27/03/1993	Thanh Hóa	NT-0584	RHM	7.00	7.00	8.02	77.50	**22.02**	
462	2	Phạm Quang Dương		18/09/1993	Hà Nội	NT-0586	RHM	7.42	6.50	7.06	86.30	**20.98**	

TT	TT CN	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng	
463	3	Lâm Thị Sen	Nữ	15/09/1993	Nam Định	NT-0598	RHM	6.33	6.67	7.38	80.00	**20.38**	
464	4	Đinh Quang Nhật		27/04/1993	Hà Tĩnh	NT-0596	RHM	6.50	6.67	7.13	85.00	**20.30**	
465	5	Vũ Thành Trung		09/02/1993	Hưng Yên	NT-0602	RHM	5.08	6.92	7.98	70.00	**19.98**	
466	6	Chử Thị Thu Hương	Nữ	10/10/1993	Hà Nội	NT-0590	RHM	6.33	6.50	6.71	85.00	**19.54**	
467	7	Thái Hoài Nam		11/05/1993	Hà Tĩnh	NT-0594	RHM	6.17	6.17	7.00	Miễn thi	**19.34**	
468	8	Nguyễn Thị Thu Hường	Nữ	25/05/1993	Phú Thọ	NT-0591	RHM	5.92	5.75	6.48	72.50	**18.15**	
469	9	Nguyễn Thị Trang	Nữ	27/10/1993	Hưng Yên	NT-0601	RHM	5.75	5.08	7.10	71.30	**17.93**	
470	10	Nguyễn Xuân Long		10/12/1993	Bắc Ninh	NT-0592	RHM	5.67	5.08	6.33	78.80	**17.08**	
471	11	Trần Thị Hải Yến	Nữ	20/08/1993	Hà Tĩnh	NT-0603	RHM	5.42	5.50	6.00	75.00	**16.92**	
472	12	Hoàng Xuân Hùng		17/05/1993	Hải Phòng	NT-0589	RHM	5.50	5.17	6.02	72.50	**16.69**	
473	13	Vũ Thị Dự	Nữ	06/06/1993	Hà Nội	NT-0585	RHM	6.00	5.50	4.83	65.00	**16.33**	
474	14	Nguyễn Ngọc Thắng		01/12/1993	Thái Bình	NT-0600	RHM	5.17	4.83	5.02	62.50	**15.02**	
475	1	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	06/08/1993	Thanh Hóa	NT-0604	YH dự phòng	7.67	8.17	6.85	80.00	**22.69**	
476	2	Tạ Thị Kim Nhung	Nữ	02/08/1993	Hà Nội	NT-0606	YH dự phòng	7.25	7.00	6.58	68.80	**20.83**	
477	3	Đoàn Thị Ngọc Hà	Nữ	24/07/1993	Hải Dương	NT-0605	YH dự phòng	6.75	7.67	5.52	80.00	**19.94**	
478	1	Nguyễn Thị Thương	Nữ	28/04/1993	Nghệ An	NT-0627	YHCT	9.42	9.08	8.35	85.00	**26.85**	
479	2	Trần Thu Thủy	Nữ	08/10/1993	Phú Thọ	NT-0629	YHCT	9.08	9.00	7.46	91.30	**25.54**	
480	3	Hồ Nhật Minh		18/08/1993	Hà Nội	NT-0619	YHCT	8.67	8.58	7.73	Miễn thi	**24.98**	
481	4	Nguyễn Thịnh		07/09/1993	Thanh Hóa	NT-0625	YHCT	8.42	8.42	7.25	56.30	**24.09**	
482	5	Lê Thị Thu Hương	Nữ	22/05/1993	Vĩnh Phúc	NT-0614	YHCT	8.67	8.83	6.58	66.30	**24.08**	
483	6	Lã Kiều Oanh	Nữ	28/08/1993	Thanh Hóa	NT-0622	YHCT	8.83	8.50	6.23	63.80	**23.56**	
484	7	Dương Hồng Quân		09/12/1993	Hà Nội	NT-0623	YHCT	8.75	8.67	5.98	72.50	**23.40**	
485	8	Lưu Văn Nam		01/11/1992	Hà Nội	NT-0621	YHCT	8.75	8.58	5.83	75.00	**23.16**	
486	9	Vũ Tiến Thượng		15/08/1992	Thái Bình	NT-0628	YHCT	8.42	8.25	6.33	62.50	**23.00**	
487	10	Phan Thanh Lê Na	Nữ	25/12/1993	Nghệ An	NT-0620	YHCT	8.92	8.50	5.48	66.30	**22.90**	
488	11	Ngô Quỳnh Hương	Nữ	10/10/1992	Hà Nội	NT-0615	YHCT	7.92	8.25	6.38	81.30	**22.55**	
489	12	Đỗ Thành Tâm		26/03/1993	Hà Nội	NT-0624	YHCT	7.83	7.50	7.04	77.50	**22.37**	
490	13	Vũ Đình Liêm		26/12/1993	Quảng Ninh	NT-0618	YHCT	8.42	8.33	5.58	57.50	**22.33**	
491	14	Nguyễn Thị Trâm Anh	Nữ	21/12/1993	Nghệ An	NT-0609	YHCT	8.42	7.50	5.29	61.30	**21.21**	
492	15	Trần Thị Thảo Uyên	Nữ	16/05/1993	Hà Nội	NT-0630	YHCT	8.08	7.50	5.63	75.00	**21.21**	
493	16	Phạm Thanh Lam	Nữ	21/04/1993	Nam Định	NT-0617	YHCT	8.33	7.00	5.65	56.30	**20.98**	
494	17	Đỗ Thị Hường	Nữ	04/12/1993	Hải Dương	NT-0616	YHCT	7.42	7.58	5.56	82.50	**20.56**	
495	1	Nguyễn Mạnh Hùng		20/09/1993	Thanh Hóa	NT-0197	Đa khoa	7.50	6.50	7.06	47.50	**21.06**	
496	2	Hoàng Đình Nhuận		20/09/1992	Phú Thọ	NT-0339	Đa khoa	7.00	6.33	7.31	42.50	**20.64**	
497	3	Hoàng Sơn Tùng		27/11/1993	Điện Biên	NT-0549	Đa khoa	6.08	6.58	6.56	43.80	**19.22**	
498	4	Trần Thanh Hoa	Nữ	30/09/1993	Hưng Yên	NT-0165	Đa khoa	6.08	5.92	6.06	35.00	**18.06**	
499	5	Phạm Vũ Anh Quang		16/05/1993	Thanh Hóa	NT-0383	Đa khoa	4.92	5.67	6.96	45.00	**17.55**	
500	6	Nguyễn Văn Sơn		23/10/1993	Vĩnh Phúc	NT-0408	Đa khoa	6.08	5.50	5.54	32.50	**17.12**	
501	7	Nguyễn Văn Sơn		01/09/1993	Bắc Ninh	NT-0407	Đa khoa	5.83	6.50	4.46	50.00	**16.79**	

TT	TT CN	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng	
502	8	Đặng Thị Thanh Huyền	Nữ	16/09/1993	Hà Nội	NT-0225	Đa khoa	5.67	6.25	4.63	72.50	**16.55**	
503	9	Nguyễn Đình Trọng Nghĩa		08/01/1993	Lạng Sơn	NT-0317	Đa khoa	4.50	4.75	7.00	71.30	**16.25**	
504	10	Vũ Văn Nam		28/08/1993	Hà Nội	NT-0311	Đa khoa	5.25	5.75	5.21	43.80	**16.21**	
505	11	Nguyễn Huy Thành		15/05/1993	Hà Nội	NT-0442	Đa khoa	5.92	5.75	4.44	80.00	**16.11**	
506	12	Vũ Thị Yến	Nữ	20/07/1993	Lào Cai	NT-0581	Đa khoa	5.67	5.67	4.71	53.80	**16.05**	
507	13	Hoàng Văn Biển		11/04/1993	Hưng Yên	NT-0042	Đa khoa	5.67	5.67	4.69	57.50	**16.03**	
508	14	Dương Nguyễn Khánh Linh	Nữ	11/11/1993	Hà Nội	NT-0259	Đa khoa	5.25	5.83	4.69	71.30	**15.77**	
509	15	Nguyễn Văn Chiều		10/12/1993	Bắc Giang	NT-0051	Đa khoa	5.33	6.08	4.29	46.30	**15.70**	
510	16	Chu Đức Thắng		28/05/1993	Hưng Yên	NT-0423	Đa khoa	6.00	4.75	4.94	22.50	**15.69**	
511	17	Võ Thị Huyền	Nữ	12/08/1993	Nghệ An	NT-0229	Đa khoa	4.67	5.42	5.56	71.30	**15.65**	
512	18	Phan Thị Bích Hường	Nữ	26/01/1993	Nghệ An	NT-0214	Đa khoa	5.75	5.42	4.38	58.80	**15.55**	
513	19	Vương Thị Hồng Lạng	Nữ	20/12/1993	Phú Thọ	NT-0256	Đa khoa	4.50	5.67	5.29	67.50	**15.46**	
514	20	Nguyễn Thị Kiều Trinh	Nữ	24/10/1993	Thái Bình	NT-0517	Đa khoa	5.17	5.75	4.52	77.50	**15.44**	
515	21	Nguyễn Mạnh Quân		05/06/1993	Bắc Ninh	NT-0387	Đa khoa	5.00	4.58	5.83	53.80	**15.41**	
516	22	Nguyễn Đình Hoàng		30/11/1993	Nghệ An	NT-0174	Đa khoa	5.67	4.75	4.98	45.00	**15.40**	
517	23	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	10/06/1993	Thái Bình	NT-0228	Đa khoa	5.08	5.33	4.98	48.80	**15.39**	
518	24	Ngô Thị Hạnh Linh	Nữ	14/11/1993	Ninh Bình	NT-0264	Đa khoa	5.33	4.50	5.54	75.00	**15.37**	
519	25	Lê Đình Mẫn		20/09/1993	Bắc Ninh	NT-0292	Đa khoa	5.50	5.75	4.08	82.50	**15.33**	
520	26	Trần Văn Lực		03/02/1993	Bắc Ninh	NT-0283	Đa khoa	5.33	4.33	5.67	70.00	**15.33**	
521	27	Phạm Văn Dũng		12/07/1993	Thanh Hóa	NT-0076	Đa khoa	5.08	5.25	4.96	38.80	**15.29**	
522	29	Lưu Văn Tuyên		24/07/1993	Vĩnh Phúc	NT-0558	Đa khoa	5.33	5.25	4.69	67.50	**15.27**	
523	28	Hoàng Xuân Nam		09/05/1993	Ninh Bình	NT-0306	Đa khoa	5.08	5.50	4.69	60.00	**15.27**	
524	30	Đào Mạnh Hùng		06/08/1993	Nam Định	NT-0191	Đa khoa	4.33	4.83	6.02	61.30	**15.18**	
525	31	Vương Toàn Thắng		25/07/1993	Hà Nội	NT-0428	Đa khoa	4.42	5.58	5.17	Miễn thi	**15.17**	
526	32	Lê Bá Khánh Chi	Nữ	15/12/1993	Nghệ An	NT-0048	Đa khoa	5.08	5.50	4.56	61.30	**15.14**	
527	33	Vũ Doãn Tú		13/12/1993	Vĩnh Phúc	NT-0533	Đa khoa	4.58	6.00	4.54	45.00	**15.12**	
528	34	Phạm Thành Đồng		16/08/1993	Thanh Hóa	NT-0105	Đa khoa	4.83	5.33	4.96	43.80	**15.12**	
529	35	Lê Vũ Hải Duy		09/11/1993	Hà Nội	NT-0080	Đa khoa	5.08	5.50	4.52	71.30	**15.10**	
530	36	Đỗ Khánh Hà	Nữ	25/11/1993	Hưng Yên	NT-0120	Đa khoa	5.33	5.33	4.38	73.80	**15.04**	
531	37	Dương Công Bằng		24/02/1993	Hà Tĩnh	NT-0040	Đa khoa	4.58	4.92	5.46	68.80	**14.96**	
532	38	Trần Thị Hoa	Nữ	19/11/1993	Nam Định	NT-0166	Đa khoa	4.92	5.25	4.73	66.30	**14.90**	
533	39	Đặng Minh Quang		30/03/1993	Hà Nội	NT-0380	Đa khoa	4.83	4.67	5.40	53.80	**14.90**	
534	40	Vương Thị Nụ	Nữ	20/06/1993	Bắc Giang	NT-0343	Đa khoa	5.25	4.50	5.08	35.00	**14.83**	
535	41	Lê Hồng Hạnh	Nữ	02/02/1993	Thanh Hóa	NT-0143	Đa khoa	4.92	5.50	4.35	57.50	**14.77**	
536	42	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	28/10/1993	Hà Nội	NT-0483	Đa khoa	5.25	5.08	4.44	68.80	**14.77**	
537	43	Phạm Diệu Hoa	Nữ	25/11/1993	Thái Bình	NT-0163	Đa khoa	4.75	5.33	4.69	80.00	**14.77**	
538	44	Trần Lý Bách		01/08/1993	Hà Nam	NT-0037	Đa khoa	5.25	5.25	4.25	63.80	**14.75**	
539	45	Hoàng Tuấn Khang		31/12/1993	Hải Phòng	NT-0233	Đa khoa	5.33	5.17	4.23	92.50	**14.73**	
540	46	Lưu Tú Anh		12/08/1993	Hải Dương	NT-0015	Đa khoa	4.92	5.25	4.50	52.50	**14.67**	

TT	TT CN	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng	
541	47	Nguyễn Việt Hằng	Nữ	26/02/1993	Thanh Hóa	NT-0141	Đa khoa	4.83	5.33	4.50	68.80	**14.66**	
542	48	Nguyễn Văn Quang		17/06/1993	Bắc Ninh	NT-0382	Đa khoa	4.58	5.50	4.54	61.30	**14.62**	
543	49	Nguyễn Thạc Dũng		03/11/1992	Bắc Ninh	NT-0073	Đa khoa	4.17	4.92	5.50	68.80	**14.59**	
544	50	Tống Thị Phương	Nữ	01/01/1993	Bắc Giang	NT-0372	Đa khoa	4.75	5.17	4.63	41.30	**14.55**	
545	51	Trịnh Doãn Đông		20/11/1992	Thanh Hóa	NT-0104	Đa khoa	4.67	5.58	4.29	37.50	**14.54**	
546	52	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	14/10/1993	Bắc Ninh	NT-0162	Đa khoa	4.92	4.92	4.69	68.80	**14.53**	
547	53	Nguyễn Văn Trọng		26/10/1991	Hà Nam	NT-0519	Đa khoa	4.50	5.08	4.88	60.00	**14.46**	
548	54	Lê Minh Tiến		23/11/1993	Hưng Yên	NT-0487	Đa khoa	4.08	5.25	5.10	38.80	**14.43**	
549	55	Ninh Thị Phương Mai	Nữ	20/10/1993	Bắc Giang	NT-0289	Đa khoa	4.75	4.92	4.73	80.00	**14.40**	
550	56	Đặng Viết Ngọc		24/03/1993	Thanh Hóa	NT-0319	Đa khoa	3.83	5.08	5.48	68.80	**14.39**	
551	57	Trần Thị Phương	Nữ	18/03/1993	Bắc Ninh	NT-0374	Đa khoa	5.00	4.75	4.63	55.00	**14.38**	
552	58	Nguyễn Thanh Bình		11/09/1993	Hưng Yên	NT-0043	Đa khoa	4.58	4.17	5.60	61.30	**14.35**	
553	59	Vũ Huy Thành		31/03/1992	Hà Nội	NT-0446	Đa khoa	4.58	4.75	5.00	93.80	**14.33**	
554	60	Đinh Hữu Long		31/08/1993	Nam Định	NT-0279	Đa khoa	5.08	5.17	3.96	85.00	**14.21**	
555	61	Trần Thị Vân	Nữ	30/07/1993	Hà Nội	NT-0568	Đa khoa	4.42	4.83	4.92	62.50	**14.17**	
556	62	Nguyễn Bá Quốc		07/07/1992	Thanh Hóa	NT-0390	Đa khoa	3.67	5.00	5.48	38.80	**14.15**	
557	63	Nguyễn Việt Phương		01/12/1993	Ninh Bình	NT-0368	Đa khoa	5.25	5.25	3.63	60.00	**14.13**	
558	64	Giang Lộc Anh		11/10/1993	Thái Bình	NT-0008	Đa khoa	4.42	5.17	4.54	68.80	**14.13**	
559	65	Nguyễn Thảo Trang	Nữ	02/10/1993	Phú Thọ	NT-0506	Đa khoa	4.58	4.42	5.13	60.00	**14.13**	
560	66	Lê Quang Hai		10/08/1993	Thanh Hóa	NT-0129	Đa khoa	4.42	4.50	5.15	67.50	**14.07**	
561	67	Phạm Huỳnh Đức		09/10/1993	Thanh Hóa	NT-0112	Đa khoa	4.33	5.50	4.19	38.80	**14.02**	
562	68	Trịnh Văn An		26/09/1993	Thanh Hóa	NT-0003	Đa khoa	4.25	4.92	4.83	40.00	**14.00**	
563	69	Hoàng Thị Thùy Linh	Nữ	17/03/1992		NT-0262	Đa khoa	4.67	4.58	4.73	73.80	**13.98**	
564	70	Trịnh Mạnh Cường		13/10/1993	Hà Nội	NT-0063	Đa khoa	4.67	4.33	4.94	50.00	**13.94**	
565	72	Nguyễn Thị Hân	Nữ	12/03/1993	Nghệ An	NT-0133	Đa khoa	4.67	4.33	4.79	66.30	**13.79**	
566	71	Nguyễn Văn Tuấn		07/09/1993	Hà Nội	NT-0541	Đa khoa	4.25	5.00	4.54	61.30	**13.79**	
567	73	Đào Văn Minh		21/05/1993	Hà Nội	NT-0298	Đa khoa	3.75	5.25	4.75	57.50	**13.75**	
568	75	Nguyễn Thị Dạ Thảo	Nữ	10/03/1993	Quảng Nam	NT-0454	Đa khoa	4.75	4.42	4.54	60.00	**13.71**	
569	74	Nguyễn Hồng Tuyên		19/09/1993	Hải Dương	NT-0559	Đa khoa	5.42	4.33	3.96	47.50	**13.71**	
570	76	Lê Chí Bảo		23/08/1993	Quảng Bình	NT-0038	Đa khoa	4.00	5.00	4.65	33.80	**13.65**	
571	77	Nguyễn Thị Lan Phương	Nữ	27/02/1993	Thanh Hóa	NT-0365	Đa khoa	4.08	5.33	4.21	55.00	**13.62**	
572	78	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01/07/1992	Bắc Giang	NT-0023	Đa khoa	4.75	4.92	3.90	62.50	**13.57**	
573	79	Mai Thị Thơm	Nữ	10/08/1993	Nam Định	NT-0466	Đa khoa	4.50	4.75	4.31	46.30	**13.56**	
574	80	Nguyễn Thị Loan	Nữ	01/09/1993	Hà Nội	NT-0276	Đa khoa	4.75	4.67	4.13	55.00	**13.55**	
575	81	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	25/10/1993	Thái Bình	NT-0512	Đa khoa	4.17	4.92	4.40	72.50	**13.49**	
576	82	Trần Hoàng		27/09/1993	Phú Thọ	NT-0179	Đa khoa	4.83	4.25	4.27	61.30	**13.35**	
577	83	Đặng Tuấn Anh		08/09/1990	Hà Nội	NT-0005	Đa khoa	4.42	4.50	4.23	33.80	**13.15**	
578	84	Trần Mạnh Hùng		17/05/1993	Hà Nội	NT-0194	Đa khoa	4.00	4.92	4.21	52.50	**13.13**	
579	85	Trần Quang Toản		16/05/1993	Bắc Ninh	NT-0495	Đa khoa	3.50	4.92	4.71	68.80	**13.13**	

TT	TT CN	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng	
580	86	Nguyễn Mạnh Quân		25/07/1993	Vĩnh Phúc	NT-0386	Đa khoa	4.33	4.08	4.67	68.80	**13.08**	
581	87	Lê Quang Sang		26/08/1993	Hà Tĩnh	NT-0402	Đa khoa	3.42	4.42	4.98	67.50	**12.82**	
582	88	La Phương Thúy	Nữ	12/01/1992	Thanh Hóa	NT-0477	Đa khoa	5.00	3.92	3.83	45.00	**12.75**	
583	89	Võ Hải Yến	Nữ	12/03/1993	Hà Nội	NT-0580	Đa khoa	4.75	4.42	3.54	70.00	**12.71**	
584	90	Phạm Minh Tùng		08/05/1992	Hải Dương	NT-0554	Đa khoa	4.00	4.33	4.19	47.50	**12.52**	
585	91	Lê Thanh Tùng		07/08/1993	Hà Nội	NT-0551	Đa khoa	3.92	3.92	4.56	66.30	**12.40**	
586	92	Phạm Phương Anh	Nữ	03/02/1993	Hà Nội	NT-0027	Đa khoa	4.33	3.83	4.13	68.80	**12.29**	
587	93	Quách Thu Trang	Nữ	15/08/1992	Thanh Hóa	NT-0511	Đa khoa	4.58	4.00	3.58	55.00	**12.16**	
588	94	Nguyễn Xuân Trường		20/06/1993	Thanh Hóa	NT-0526	Đa khoa	4.08	4.00	3.94	40.00	**12.02**	
589	95	Hồ Xuân Sơn		16/08/1993	Nghệ An	NT-0404	Đa khoa	4.08	4.00	3.85	Miễn thi	**11.93**	
590	96	Trương Quốc Huy		06/08/1992	Hà Nội	NT-0223	Đa khoa	3.25	4.33	4.33	52.50	**11.91**	
591	97	Vũ Thị Phượng	Nữ	26/05/1992	Hà Nam	NT-0379	Đa khoa	4.00	4.17	3.71	35.00	**11.88**	
592	98	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	17/01/1994	Thanh Hóa	NT-0140	Đa khoa	2.42	3.75	4.42	62.50	**10.59**	
593	99	Nguyễn Hoàng Giang		25/10/1993	Hà Nội	NT-0588	RHM	5.25	5.58	4.96	43.80	**15.79**	
594	100	Trần Xuân Đăng		06/03/1993	Hà Nội	NT-0587	RHM	6.08	4.58	5.00	53.80	**15.66**	
595	101	Phan Văn Lượng		29/03/1992	Nghệ An	NT-0593	RHM	4.75	4.25	6.25	67.50	**15.25**	
596	102	Giang Thọ Anh		11/10/1993	Thái Bình	NT-0583	RHM	5.50	4.92	4.50	57.50	**14.92**	
597	103	Trần Thị Hồng Ngọc	Nữ	22/01/1993	Nghệ An	NT-0595	RHM	4.58	5.00	4.15	66.30	**13.73**	
598	104	Đinh Thị Tâm	Nữ	06/04/1992	Ninh Bình	NT-0599	RHM	4.42	3.67	5.23	68.80	**13.32**	
599	105	Đinh Ngọc Quân		30/10/1993	Hải Phòng	NT-0597	RHM	4.58	4.17	4.54	83.80	**13.29**	
600	106	Nguyễn Thị Bích Phương	Nữ	5.2.1993	Hà Nội	NT-0607	YH dự phòng	6.25	7.25	4.69	73.80	**18.19**	
601	107	Trịnh Văn Cường		19/11/1993	Hà Nội	NT-0612	YHCT	7.75	8.33	4.69	50.00	**20.77**	
602	108	Đỗ Đức Bảo		09/11/1992	Hà Nội	NT-0610	YHCT	8.17	7.08	4.44	51.30	**19.69**	
603	109	Phạm Kim Cương		05/12/1993	Hà Nam	NT-0611	YHCT	7.17	7.67	4.50	51.30	**19.34**	
604	110	Hoàng Thị Đông	Nữ	25/10/1993	Hà Nội	NT-0613	YHCT	7.08	7.08	4.56	46.30	**18.72**	
605	111	Đoàn Thị Thanh Thư	Nữ	30/06/1993	Nam Định	NT-0626	YHCT	7.25	6.58	4.60	65.00	**18.43**	
606	1	Nguyễn Thị Thu	Nữ	01/03/1993	Nam Định	NT-0473	Đa khoa	6.92	6.58	K thi	K thi	**K thi**	
607	2	Nguyễn Chân Hoàng		28/03/1993	Hà Tĩnh	NT-0172	Đa khoa	7.00	7.75	K thi	K thi	**K thi**	
608	3	Bùi Trâm Anh	Nữ	30/09/1993	Nam Định	NT-0004	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
609	4	Nguyễn Tuấn Anh		07/02/1993	Nam Định	NT-0025	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
610	5	Phùng Tuấn Anh		02/03/1993	Bắc Giang	NT-0030	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
611	6	Võ Văn Chung		03/02/1993	Hà Tĩnh	NT-0056	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
612	7	Lê Ngọc Hà	Nữ	14/05/1993	Hưng Yên	NT-0122	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
613	8	Vũ Việt Hòa		24/10/1993	Hải Dương	NT-0167	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
614	9	Nguyễn Bích Hồng	Nữ	31/07/1993	Ninh Bình	NT-0184	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
615	10	Nguyễn Đình Huy		22/02/1993	Nghệ An	NT-0219	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
616	11	Nguyễn Quang Huy		13/03/1993	Hà Nội	NT-0221	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
617	12	Phạm Cẩm Diệu Linh	Nữ	23/11/1993	Hà Nội	NT-0272	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
618	13	Giáp Minh Ngọc	Nữ	25/05/1993	Bắc Giang	NT-0321	Đa khoa	5.58	K thi	K thi	K thi	**K thi**	

TT	TT CN	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Ngành	KẾT QUẢ THI					Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng	
619	14	Trần Thị Hồng Ngọc	Nữ	19/07/1993	Phú Thọ	NT-0329	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
620	15	Vũ Minh Quý		19/12/1993	Hải Dương	NT-0396	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
621	16	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	21/02/1993	Hưng Yên	NT-0397	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
622	17	Nguyễn Đức Quyền		28/02/1993	Hải Dương	NT-0398	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
623	18	Phạm Văn Tân		12/02/1993	Nam Định	NT-0418	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
624	19	Phùng Văn Thạnh		08/07/1993	Hưng Yên	NT-0447	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
625	20	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	26/02/1993	Bắc Ninh	NT-0510	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	Miễn thi	**K thi**	
626	21	Phạm Anh Tuấn		14/06/1992	Tuyên Quang	NT-0543	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
627	22	Nguyễn Trọng Tuyến		07/06/1993	Hà Tĩnh	NT-0560	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
628	23	Vũ Thị Tuyết	Nữ	17/01/1992	Thái Bình	NT-0561	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
629	24	Phùng Văn Việt		16/03/1993	Nam Định	NT-0569	Đa khoa	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	
630	25	Nguyễn Tùng Anh		29/07/1992	Vĩnh Phúc	NT-0608	YHCT	K thi	K thi	K thi	K thi	**K thi**	

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017

KT **HIỆU TRƯỞNG**

P. **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Tạ Thành Văn